

Số: 1806 /HCVN-HĐT V

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2014

V/v: Báo cáo thực hiện 5 năm
2011-2015 và xây dựng Kế
hoạch 5 năm 2016-2020

Kính gửi:

- Bộ Công Thương;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Thực hiện Chi thị số 22/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; thực hiện Công văn số 5316/BKHĐT -TH ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; thực hiện công văn số 8411/BCT-KH ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc báo cáo xây dựng kế hoạch phát triển ngành công nghiệp và thương mại 5 năm 2016-2020, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam xin báo cáo như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM 2011-2015

I. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

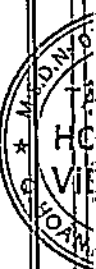
1. Thuận lợi

- Kinh tế vĩ mô dần ổn định, tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, lạm phát, tỷ giá dần được kiểm soát, lãi suất giảm dần và đang duy trì ở mức thấp... là những điều kiện thuận lợi giúp doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất, tăng sức cạnh tranh, hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả;

- Chính phủ, các bộ ngành trung ương quan tâm ủng hộ và giúp đỡ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của Tập đoàn;

- Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2097/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Hóa chất Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015. Với quyết định này, Chính phủ đã ghi nhận và đánh giá cao kết quả hoạt động của Tập đoàn trong giai đoạn thực hiện mô hình thí điểm và là văn bản pháp lý quan trọng để Tập đoàn phát triển trong giai đoạn 2012 - 2015 và những năm tiếp theo;

- Bộ máy lãnh đạo của Tập đoàn và của các đơn vị thành viên được kiện toàn trên cơ sở lựa chọn những người có năng lực, có kinh nghiệm... để bổ trí vào các vị trí lãnh đạo phù hợp, giúp cho hoạt động của các đơn vị đạt hiệu quả.



2. Khó khăn

Bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm trong điều kiện kinh tế thế giới chưa thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng năm 2008, kinh tế trong nước rơi vào chu kỳ tăng trưởng thấp, nhu cầu đối với các loại hàng hóa đều giảm; lạm phát luôn rình rập, lãi suất năm 2011 và 2012 đẩy chi phí sản xuất của doanh nghiệp lên rất cao, tiếp cận các nguồn tín dụng khó, sản phẩm khó tiêu thụ, tồn kho cao, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp và đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm bị chậm tiến độ.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH - ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 5 NĂM 2011 - 2015

Phát huy những thuận lợi, tận dụng tối đa cơ hội được hỗ trợ, giúp đỡ từ Chính phủ, Bộ Công Thương và các bộ ngành liên quan. Đặc biệt, tinh thần đoàn kết, chung tay vượt khó của Lãnh đạo Tập đoàn, Lãnh đạo các đơn vị thành viên và đội ngũ cán bộ công nhân viên đã giúp Tập đoàn vượt qua khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới, tiếp tục ổn định và phát triển bền vững. Vì vậy, giai đoạn 2011 - 2015, sản xuất công nghiệp của Tập đoàn vẫn đạt mức tăng trưởng bình quân tính theo giá so sánh năm 2010 là 7,9%/năm (theo giá cố định 1994 là 6,7%/năm và giá thực tế là 10%/năm). Đây cũng là giai đoạn Tập đoàn triển khai nhiều dự án lớn như Dự án Đạm than Ninh Bình công suất 560 nghìn tấn ure/năm; Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy Đạm Hà Bắc nâng công suất lên 500 nghìn tấn/năm; Dự án DAP số 2 tại Lào Cai công suất 330 nghìn tấn/năm; Dự án tuyến quặng Bắc Nhạc Sơn công suất 350 nghìn tấn quặng tuyển/năm; Dự án lớp Radial (giai đoạn 1) của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng công suất 600 nghìn lớp/năm; Dự án lớp xe tải toàn thép (giai đoạn 1) của Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su miền Nam công suất 1 triệu lớp/năm... Việc đưa những dự án này vào hoạt động có ý nghĩa rất quan trọng đối với thực hiện kế hoạch phát triển của Tập đoàn giai đoạn 2011 - 2015. Kết quả một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2011 - 2015 như sau: (Phụ lục 01 kèm theo)

1. Giá trị sản xuất công nghiệp:

- Tính theo giá cố định 1994 ước đạt 83.077 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 6,7%/năm;

- Tính theo giá thực tế ước đạt 208.129 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 10,0%/năm.

- Tính theo giá so sánh năm 2010 ước đạt 184.625 tỷ, tăng trưởng bình quân 7,9%/năm;

2. Doanh thu: ước đạt 218.589 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 9,9%/năm.

3. Nộp ngân sách: ước đạt 12.704 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 6,3%/năm.

4. Lợi nhuận: ước đạt 14.101 tỷ đồng.

5. Vốn chủ sở hữu: đến 31/12/2015 dự tính đạt 13.000 tỷ đồng, tăng 67,7% so với năm 2010.

6. Việc làm và thu nhập của người lao động

Tập đoàn đã đảm bảo đủ việc làm thường xuyên và ổn định cho gần 27.000 lao động với điều kiện lao động ngày càng được cải thiện, tốc độ tăng thu nhập trên 3%/năm trong giai đoạn 2011 - 2015.

7. Xuất nhập khẩu

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 2011 - 2015 đạt 3.060 triệu USD, tăng bình quân 10,2%/năm. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 1.268 triệu USD, tăng bình quân 11,9%/năm; kim ngạch nhập khẩu đạt 1.792 triệu USD, tăng bình quân 8,9%/năm.

8. Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu thực hiện giai đoạn 2011 - 2015 (chi tiết trong biểu 1)

Giai đoạn 2011 - 2015, Tập đoàn đã tập trung đầu tư phát triển vào ngành sản xuất kinh doanh chính, phát triển toàn diện các sản phẩm chủ lực, đảm bảo các cân đối lớn về phân bón cho sản xuất nông nghiệp và đáp ứng một phần nhu cầu về hàng hóa tiêu dùng của xã hội; khai thác hiệu quả máy móc thiết bị, kết hợp cải tạo mở rộng, đầu tư chiều sâu và đầu tư mới nhằm nâng cao năng lực sản xuất và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn

9. Công tác đầu tư xây dựng

Kế hoạch đầu tư các dự án giai đoạn 2011 - 2015 được phê duyệt tại Quyết định 550/QĐ-TTg ngày 11/5/2012 với tổng giá trị đầu tư là 60.982 tỷ đồng trong đó giá trị đầu tư của Công ty Mẹ - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam là 27.472 tỷ đồng và tại các đơn vị thành viên là 33.510 tỷ đồng. Cho đến nay việc triển khai thực hiện kế hoạch đã đi được 4/5 thời gian, mặc dù các đơn vị trong Tập đoàn đã có nhiều cố gắng nhưng trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới và trong nước, việc triển khai các dự án đầu tư không thuận lợi; các chỉ tiêu về hạng mục dự án đầu tư, giá trị đầu tư, tiến độ thực hiện không đạt như dự kiến.

Mục tiêu của kế hoạch đầu tư là phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh ổn định, đảm bảo tốt về các chỉ số doanh thu, lợi nhuận, tăng trưởng trong kỳ kế hoạch, tạo tiền đề cho giai đoạn 2016 - 2020.

- Mục tiêu đến năm 2015 đáp ứng đủ nhu cầu phân bón trong nước cơ bản đã đảm bảo được; chương trình 1.000.000 tấn phân DAP/năm đến nay đang tiếp tục các công việc chuẩn bị đầu tư, chuyển tiếp sang thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 (đến năm 2015 công suất đạt 660 nghìn tấn DAP/năm).

- Mục tiêu phát triển các sản phẩm cao su công nghệ cao, đầu tư công nghệ hiện đại đối với sản phẩm cao su kỹ thuật để thay thế nhập khẩu triển khai chậm do phải tập trung vốn cho các dự án lốp radial, dự kiến sẽ triển khai trong đầu kỳ kế hoạch 2016 - 2020.

- Mục tiêu phát triển sản phẩm về hóa chất cơ bản, hóa dược, hóa dầu không đạt được như tiến độ dự kiến trong kế hoạch: Dự án sản xuất hydroxyt nhôm phải tạm dừng do thực hiện Chi thị 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ; dự án nâng công suất xút (tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa) gặp nhiều khó khăn về quy hoạch, địa điểm nên chưa triển khai; các dự án sản xuất axit H_2SO_4 , H_3PO_4 làm nguyên liệu cho sản xuất phân SA, DAP vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư do phải cân nhắc thêm về hiệu quả đầu tư, thu xếp

nguồn tài chính; dự án sản xuất nguyên liệu kháng sinh bán tổng hợp đến nay vẫn dừng ở việc lựa chọn nhà thầu tư vấn lập dự án.

- Mục tiêu đa dạng hóa các sản phẩm pin, áp dụng với công nghệ hiện đại, tự động hóa cao để sản xuất pin cao cấp, đặc chủng, áp dụng có lợi thế cạnh tranh cũng chưa thực sự đáp ứng yêu cầu.

- Mục tiêu về khai thác, chế biến quặng khoáng trong nước và nước ngoài nhằm đáp ứng đủ nhu cầu về nguyên liệu cơ bản cho sản xuất cũng gặp nhiều khó khăn, triển khai chậm, đặc biệt là dự án khai thác và chế biến muối mỏ tại CHDCND Lào.

Một số vấn đề cụ thể trong triển khai kế hoạch giai đoạn 2011-2015:

Các mặt đạt được:

- Trong giai đoạn 2011 - 2015, tại thời điểm cuối năm 2014 Tập đoàn đã tập trung hoàn thành các dự án trọng điểm, quan trọng, gồm: Dự án tuyển quặng loại III Bắc Nhac Sơn, Dự án xây dựng Nhà máy Đạm Ninh Bình; Dự án sản xuất lớp Radial tại Đà Nẵng (giai đoạn 1); Dự án lớp xe tải toàn thép tại Bình Dương (giai đoạn 1); Dự án cải tạo - mở rộng Nhà máy Đạm Hà Bắc; Dự án DAP số 2 tại Lào Cai. Đây là các dự án có ý nghĩa lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, góp phần quan trọng, quyết định vào kết quả tăng trưởng giai đoạn 2011 - 2015.

- Đến năm 2015, Tập đoàn sẽ cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu phân bón trong nước và hướng tới xuất khẩu. Để tạo tiền đề cho sự phát triển, Tập đoàn sẽ tiếp tục nghiên cứu, triển khai dự án NH₃, Dự án nâng sản lượng DAP lên 1 triệu tấn/năm; Dự án mở rộng, nâng công suất Nhà máy tuyển Bắc Nhac Sơn lên 700.000 tấn/năm; nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư xây dựng Nhà máy tuyển quặng loại II theo quy hoạch; đẩy mạnh thăm dò, khai thác quặng apatit phục vụ sản xuất trong nước;

- Việc hoàn thành giai đoạn 1 các dự án lớp Radial của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng và dự án lớp xe tải toàn thép của Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam và sản phẩm đã được thị trường chấp nhận mở ra hướng đầu tư để phát triển các sản phẩm công nghệ nâng cao như lớp Radial, lớp bán thép cho xe con, các sản phẩm cao su kỹ thuật để thay thế nhập khẩu,

- Tăng khả năng cạnh tranh và giá trị xuất khẩu do đầu tư chiều sâu, nâng công suất chất lượng, đa dạng các sản phẩm pin, áp dụng; chú trọng đầu tư công nghệ hiện đại, trình độ tự động hóa cao để sản xuất các sản phẩm pin cao cấp sử dụng trong các thiết bị viễn thông, máy tính, đồng hồ, máy ảnh, ô tô điện...

- Xây dựng và phát triển thương hiệu chất tẩy rửa của các đơn vị thuộc Tập đoàn. Hợp tác có hiệu quả và không phụ thuộc vào gia công sản phẩm cho Unilever Việt Nam. Tập trung nghiên cứu sản xuất nguyên liệu, hương liệu thay thế nhập khẩu để phục vụ cho sản xuất chất tẩy rửa;

Các tồn tại:

- Tiến độ các dự án trọng điểm, dự án quan trọng bị chậm: Dự án Đạm Ninh Bình; Dự án khai thác, chế biến muối mỏ tại Lào (diện tích 10km²); Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy phân đạm Hà Bắc; Dự án Nhà máy DAP số 2 tại Lào Cai.

- Chậm thực hiện công việc chuẩn bị đầu tư của một số dự án quan trọng khác có giá trị vốn đầu tư lớn do chưa có đủ điều kiện và cơ hội đầu tư (Dự án sản xuất nguyên liệu kháng sinh; Dự án sản xuất phân bón SA; Dự án sản xuất 4 triệu lốp Radial/năm; Dự án tuyển quặng apatit loại II); một số dự án quan trọng khác vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (Dự án mở rộng Nhà máy tuyển Bắc Nhac Sơn; Dự án nhà máy sản xuất axit photphoric; Dự án nâng công suất xút lên 50.000 tấn/năm...).

Nguyên nhân chính ảnh hưởng tới việc thực hiện kế hoạch đầu tư, gồm:

+ Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển giai đoạn 2011 – 2015 được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam xây dựng trong bối cảnh nhận định về tình hình kinh tế trong nước và quốc tế sẽ chuyển biến tích cực sau giai đoạn khủng hoảng và để đáp ứng yêu cầu đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước giai đoạn 2011-2015, các mục tiêu đặt ra về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận ở mức phần đầu cao; tuy nhiên sự hồi phục của nền kinh tế sau khủng hoảng không như dự kiến.

+ Quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư gặp nhiều khó khăn, trong đó có khó khăn về địa điểm, vốn đầu tư, công nghệ chuyên giao; đặc biệt có dự án lần đầu tiên đầu tư ra nước ngoài gặp nhiều vướng mắc trong thủ tục đầu tư, trong lựa chọn nhà thầu. Việc điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp tình hình triển khai của các doanh nghiệp còn chậm, thiếu kịp thời.

Với các nhận định và đánh giá nêu trên, trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch Tập đoàn đã yêu cầu các đơn vị tiến hành rà soát, đồng thời quyết định tạm dừng, hoãn, giãn tiến độ một số dự án chưa thực sự cần thiết, chưa có hiệu quả. Với phương châm tập trung cho các dự án quan trọng, ưu tiên cho xây dựng một số nhà máy trọng điểm; đồng thời đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị tại các cơ sở sản xuất hiện có để nâng công suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh, từ cuối năm 2013 Tập đoàn bắt đầu xây dựng danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung phù hợp cho giai đoạn 2011 - 2015;

Dự kiến giá trị đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 của Tập đoàn đạt 31.034 tỷ đồng, với 69 dự án bao gồm:

- Dự án của Công ty mẹ: 5.262 tỷ đồng (7 dự án), trong đó:

+ Dự án chuyển tiếp thực hiện đầu tư: 3.300 tỷ đồng (01 dự án)

+ Dự án đầu tư mới: 1.590 tỷ đồng (03 dự án)

+ Dự án chuẩn bị đầu tư: 372 tỷ đồng (03 dự án)

- Dự án của đơn vị thành viên và công ty CP do Tập đoàn giữ cổ phần chi phối: 25.772 tỷ đồng (62 dự án), gồm:

+ Dự án chuyển tiếp thực hiện đầu tư: 15.116 tỷ đồng (10 dự án)

+ Dự án đầu tư mới: 10.631 tỷ đồng (47 dự án)

+ Dự án chuẩn bị đầu tư: 25 tỷ đồng (05 dự án)

Trong đó:

+ Dự án về phân bón: 16.765 tỷ đồng (14 dự án)

+ Dự án về nguyên liệu quặng: 1.083 tỷ đồng (09 dự án)

+ Dự án về sản phẩm cao su:	5.243 tỷ đồng	(06 dự án)
+ Dự án về Hóa chất cơ bản:	1.055 tỷ đồng	(07 dự án)
+ Dự án về chất tẩy rửa:	564 tỷ đồng	(04 dự án)
+ Dự án về thuốc bảo vệ thực vật:	65 tỷ đồng	(03 dự án)
+ Dự án về pin ắc quy:	245 tỷ đồng	(10 dự án)
+ Dự án khác:	752 tỷ đồng	(09 dự án)

Nguồn vốn:

- Vốn vay tín dụng nhà nước:	7.868 tỷ đồng
- Vốn khác:	23.166 tỷ đồng

(vốn đầu tư của chủ sở hữu, vay thương mại, lợi nhuận sau thuế, quỹ đầu tư phát triển...)

Tiến độ giải ngân:

- Năm 2011:	4.713 tỷ đồng
- Năm 2012:	6.065 tỷ đồng
- Năm 2013:	7.657 tỷ đồng
- Năm 2014:	7.093 tỷ đồng
- Năm 2015:	5.506 tỷ đồng

Đồng thời xem xét, chuyển một số dự án sang giai đoạn tiếp theo 2016 - 2020 trên cơ sở nhận định, đánh giá một số yếu tố:

- Tình hình phục hồi của nền kinh tế tiến triển tốt, cơ hội đầu tư cao;
- Tình hình thu xếp các nguồn lực cho đầu tư của các doanh nghiệp thuận lợi hơn;
- Khả năng tìm kiếm đối tác đầu tư, đối tác chuyển giao công nghệ tốt hơn;
- Danh mục dự án đầu tư sẽ được xây dựng trên cơ sở rút kinh nghiệm giai đoạn 2011 - 2015, đồng thời thực hiện rà soát cùng các đơn vị đảm bảo phù hợp.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÁI CƠ CẤU TẬP ĐOÀN

Thực hiện Quyết định số 2097/QĐ-TTg ngày 28/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Hóa chất Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 (sau đây gọi là Quyết định số 2097/QĐ-TTg), đến nay kết quả thực hiện như sau:

1. Về việc xây dựng Điều lệ của Tập đoàn

- Ngày 21/11/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 190/2013/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, trong đó quy định vốn Điều lệ của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đến năm 2015 là 16.000 tỷ đồng

2. Về công tác cổ phần hóa

Giai đoạn 2012 - 2015, Tập đoàn thực hiện cổ phần hóa 06 công ty, đến nay kết quả thực hiện như sau:

- Năm 2013: Hoàn thành công tác cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Hóa chất cơ bản Miền Nam.

- Năm 2014: Cổ phần hóa thành công hai công ty TNHH một thành viên là Công ty DAP - Vinachem và Công ty Hơi kỹ nghệ Que hàn và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần vào ngày 19/12/2014 và 23/12/2014.

- Trong năm 2015: Trong Quý 2/2015 thực hiện xong công tác cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất; Đến 31/12/2015, sẽ cổ phần hóa xong Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và Công ty TNHH một thành viên Đạm Ninh Bình.

Qua đó, hoàn thành kế hoạch cổ phần hóa các đơn vị thành viên theo phê duyệt tại Quyết định số 2097/QĐ-TTg

3. Việc thoái hết vốn Tập đoàn nắm giữ tại doanh nghiệp

- Tập đoàn đã thuê tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp và phần vốn góp của Tập đoàn tại 13/13 Công ty thực hiện thoái vốn và đã Phê duyệt phương án chuyển nhượng tại 13 Công ty này.

- Đã thực hiện thoái vốn xong tại 07/13 Công ty: Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh; Công ty cổ phần que hàn điện Việt Đức; Công ty Tài chính cổ phần Hóa chất và Công ty cổ phần Hóa chất Vĩnh Thịnh; Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn; Công ty cổ phần sản xuất và Thương mại Phương Đông; Công ty Phân bón Việt Nhật.

Tổng giá trị đầu tư góp vốn đã thoái: 407,4 tỷ đồng, Lãi gộp thu được từ thoái vốn: trên 120 tỷ đồng; Tổng giá trị thoái vốn đầu tư ra ngoài ngành: 238,5 tỷ đồng, bằng 92% giá trị đầu tư góp vốn ngoài ngành.

- Đang thoái vốn trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với Công ty cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VICS.

- Đối với chào bán cổ phiếu Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội và Công ty cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh: Đã nộp đủ hồ sơ theo quy định, chờ ý kiến của Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

- Tập đoàn đang đàm phán với các đối tác để thực hiện việc thoái vốn tại Công ty TNHH TPC Vina và Công ty TNHH Cao su Inoue.

- Kết thúc năm 2015, Tập đoàn sẽ thực hiện xong việc thoái hết vốn 13/13 doanh nghiệp theo phê duyệt tại Đề án tái cơ cấu của Tập đoàn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Về thực hiện nội dung tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp tại Công ty mẹ - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Đã ban hành một số quy chế quản trị nội bộ như theo quy định tại Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.

Đã tiến hành kiện toàn bộ máy lãnh đạo; sắp xếp, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý, điều hành tại công ty mẹ.

Hoàn thành công tác quy hoạch cán bộ của Tập đoàn giai đoạn 2012 -2015, có tính đến năm 2020 và quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016 - 2021;

5. Các nội dung khác:

- Hoàn thiện Đề án xây dựng Chiến lược phát triển Tập đoàn giai đoạn 2015 - 2020 có xét đến 2030, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 12/2014;

- Đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ Phương án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước (bổ sung) giai đoạn 2014 - 2015 và xây dựng Phương án sắp xếp cho giai đoạn sau theo quy định tại Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức triển khai sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

- Chỉ đạo các Công ty TNHH do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ hoặc thông qua Người đại diện triển khai thực hiện tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp các đơn vị thành viên theo nội dung tại Quyết định số 2097/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Thành tựu

Giai đoạn 2011 - 2015, tập thể các cấp Lãnh đạo, công nhân viên Tập đoàn đã đoàn kết, nhất trí, vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tập đoàn đã tham gia đáp ứng các cân đối lớn của nền kinh tế, đặc biệt là bảo đảm cân đối phân bổ cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp. Sản xuất công nghiệp tăng khá về giá trị, doanh thu, lợi nhuận; vốn chủ sở hữu được bảo toàn và tăng trưởng tốt; ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động; các hoạt động công ích, từ thiện, hoạt động đền ơn đáp nghĩa được quan tâm đầy mạnh và đạt kết quả thiết thực. Tập đoàn và các Công ty con đã tập trung các nguồn lực và đầu tư có trọng điểm cho một số dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu, là cơ sở quan trọng, có vai trò quyết định cho sự tăng trưởng, phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn 2011 - 2015.

2. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù hầu hết các chỉ tiêu đều tăng trong giai đoạn 2011 - 2015 song tăng trưởng sản xuất công nghiệp chưa đạt kế hoạch đề ra; công tác đầu tư còn hạn chế, qua rà soát, một số dự án chưa thể triển khai trong giai đoạn 2011 - 2015, một số dự án đã triển khai nhưng tiến độ thực hiện chậm so với kế hoạch.

Nguyên nhân được xác định là:

- Do khủng hoảng kinh tế thế giới kéo dài ngoài dự báo, nhu cầu thị trường giảm sâu nên một số ngành không huy động hết năng lực sản xuất; một số dự án đầu tư phải hủy, dừng hoặc giãn tiến độ nên năng lực mới không được bổ sung theo đúng kế hoạch làm cho chỉ tiêu tăng trưởng của Tập đoàn giai đoạn 2011 - 2013 thấp hơn mục tiêu kế hoạch của giai đoạn 5 năm 2011 - 2015;

- Dự án khai thác và chế biến Kali tại Lào là dự án đầu tiên của Tập đoàn được thực hiện đầu tư ra nước ngoài, nhiều thủ tục phức tạp chưa được lường hết khi bước vào triển khai dự án, các thủ tục giữa Việt Nam với Lào cũng khác nhau, công nghệ của Dự án phức tạp, không có nhiều nhà thầu và đơn vị có năng lực để đáp ứng được công tác thiết kế và thi công nên việc triển khai bị chậm so với kế hoạch.

- Một số dự án phải tạm dừng triển khai vì xét thấy thời điểm này không có hiệu quả, có nhiều yếu tố, đặc biệt là thị trường không thuận cho việc triển khai dự án.

3. Bài học kinh nghiệm

Giai đoạn 2006 - 2010, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã phát huy 100% công suất thiết bị hiện có và nguồn lực để đáp ứng các cân đối lớn cho nền kinh tế, đặc biệt là cân đối phân bổ cho sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, đầu tư có tính chất quyết định đến tốc độ tăng trưởng của Tập đoàn giai đoạn 2011 - 2015. Tuy nhiên không đầu tư bằng mọi giá để đổi lấy tăng trưởng, quan điểm của Tập đoàn là thận trọng, tập trung, không dàn trải. Các dự án đang triển khai và các dự án chuẩn bị đầu tư đều được cân nhắc, đánh giá trên cơ sở dự báo thị trường, khả năng tài chính của Tập đoàn để tính toán hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và vấn đề bảo vệ môi trường của dự án, đảm bảo sự phát triển bền vững khi dự án đi vào hoạt động. Kết quả phát triển bền vững của Tập đoàn trong những năm qua đã khẳng định định hướng chiến lược và những bước đi thận trọng của Tập đoàn là hoàn toàn đúng đắn.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH

Thuận lợi:

Giai đoạn 2016-2020, nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, thuận lợi và thách thức đan xen. Việt Nam sẽ chủ động, tích cực phát huy vai trò thành viên Cộng đồng ASEAN; Ký kết các hiệp định tự do với EU; Ký hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP; thực hiện cắt giảm thuế quan ASEAN và trở thành nền kinh tế thị trường vào năm 2018 theo cam kết gia nhập WTO... cơ hội đầu tư và phát triển thị trường xuất khẩu sẽ được mở rộng trong thời gian tới.

Kinh tế vĩ mô trong nước dần ổn định, lạm phát được kiểm soát; lãi suất ngân hàng ở mức thấp; cơ chế chính sách ngày một thông thoáng minh bạch; Nhà nước ban hành nhiều chính sách phù hợp với thực tế để hỗ trợ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển nâng cao sức cạnh tranh.

Các sản phẩm của Tập đoàn có thương hiệu, uy tín trên thị trường trong và ngoài nước.

Chính phủ, các bộ ngành Trung ương luôn quan tâm ủng hộ và giúp đỡ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của Tập đoàn

Khó khăn

Tình hình chính trị xã hội trên thế giới diễn biến phức tạp, xung đột diễn ra tại nhiều khu vực trên thế giới. Tình hình Biển Đông diễn biến khó lường. Kinh tế thế giới phục hồi chậm.

Kinh tế trong nước tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguy cơ lạm phát, tỷ giá vẫn còn; cầu trong nước tăng chậm. Trong xu thế toàn cầu hóa, mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Các đơn vị thành viên Tập đoàn gặp rất nhiều khó khăn về đất để triển khai các dự án di dời, dự án đầu tư phát triển...

Từ năm 2011 đến nay Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam đơn vị thành viên Tập đoàn không được giao thêm mỏ để thiết kế khai thác cho kỳ kế hoạch 2016-2020.

Trên cơ sở đánh giá đúng đắn, khách quan tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch 5 năm 2011-2015, dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực trong giai đoạn tới; quán triệt tinh thần tại Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; Tập đoàn Hóa chất Việt Nam xây dựng kế hoạch 5 năm 2016-2020 bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, có tính khả thi cao, gắn kết với khả năng huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Bảo đảm Tập đoàn Hóa chất Việt Nam có cơ cấu hợp lý, đi đầu trong sản xuất, kinh doanh hóa chất cơ bản và sản phẩm hóa chất phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh của Tập đoàn

1. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2016-2020

Các chỉ tiêu chủ yếu (Biểu số 4)

1.1 Giá trị sản xuất công nghiệp:

- Tính theo giá cố định 1994 đạt 132.521 tỷ, tốc độ tăng trưởng bình quân 9,9%/năm;

- Tính theo giá thực tế 306.035 tỷ, tốc độ tăng trưởng bình quân 9,4%/năm;

- Tính theo giá so sánh năm 2010 đạt 286.351 tỷ, tốc độ tăng trưởng bình quân 9,8%/năm;

1.2 Doanh thu: đạt 330.242 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 9,5%/năm.

1.3 Nộp ngân sách: đạt 11.265 tỷ, tốc độ tăng trưởng bình quân 3%/năm.

1.4 Lợi nhuận: đạt 13.254 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 11,1%/năm.

1.5 Việc làm và thu nhập của người lao động

Tập đoàn đã đảm bảo đủ việc làm thường xuyên và ổn định cho gần 27.000 lao động với điều kiện lao động ngày càng được cải thiện, tốc độ tăng thu nhập 5%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020.

1.6 Xuất nhập khẩu.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 2016 - 2020 đạt 4.176 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 9,4%/năm. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 1.970 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 10,9%/năm; kim ngạch nhập khẩu đạt 2.206 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 8,1%/năm.

2. Kế hoạch sản lượng sản phẩm chủ yếu (Biểu số 4)

- Nhóm phân bón: Sản lượng Phân lân tổng số đạt 8.470 nghìn tấn, tốc độ tăng trưởng bình quân 2,7% năm. Trong đó: Supe lân 4.845 nghìn tấn; Lân nung chảy đạt 3.625 nghìn tấn; Đạm urê đạt 4.478 nghìn tấn, tốc độ tăng trưởng bình quân 6,3% năm (Dây chuyền mở rộng nâng công suất nhà máy Đạm Hà Bắc đi vào sản xuất từ năm 2015); Phân DAP đạt 2.990 nghìn tấn, tốc độ tăng trưởng bình quân 7,4%/năm; Phân NPK đạt 11.084 nghìn tấn, tốc độ tăng trưởng bình quân 5,6%/ năm. Tổng lượng phân bón các loại trong giai đoạn 2016-2020 Tập đoàn Hóa chất Việt Nam cung ứng cho thị trường đạt 27.030 nghìn tấn; Phân bón Kali bắt đầu có sản phẩm từ năm 2019, đến năm 2020 đạt sản lượng 200 nghìn tấn.

- Nhóm Thuốc bảo vệ thực vật: Sản lượng đạt 103 nghìn tấn tăng trưởng bình quân 6,5% năm, mục tiêu đến 2020 các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật chiếm 10% thị phần trong nước.

- Nhóm Cao su: Nhằm hướng tới là những nhà sản xuất sản phẩm lốp xe hàng đầu Đông Nam Á, Các công ty cao su thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tập trung phát triển ổn định, bền vững, hiện đại trong các lĩnh vực cốt lõi, đầu tư các sản phẩm mới, tăng năng suất lao động, tiếp tục triển khai các dự án lốp Radial toàn thép giai đoạn 2 và 3. Giai đoạn 2016-2020 sản lượng lốp ô tô các loại đạt 15,1 triệu chiếc, tốc độ tăng trưởng bình quân 12,3%/năm trong đó lốp radial đạt 4.8 triệu chiếc, tăng 35,4%/năm. Các sản phẩm khác có tốc độ tăng trưởng bình quân từ 3-7% /năm.

- Nhóm điện hóa: Giai đoạn 2016-2020 tiếp tục đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm, ứng dụng công nghệ mới để đáp ứng nhu cầu của thị trường, tăng khả năng cạnh tranh. Sản lượng Ac quy các loại đạt 8.358 nghìn Kwh, tốc độ tăng trưởng bình quân 6,8%/năm.

- Nhóm chất tẩy rửa: Đạt 2.177 nghìn tấn, tốc độ tăng trưởng bình quân 4,1%/năm,

- Nhóm Hóa chất cơ bản: Sản lượng axit sunphuric thương phẩm đạt 447 nghìn tấn, tốc độ tăng trưởng bình quân 3,8%/năm; xút thương phẩm đạt 302 nghìn tấn, tốc độ tăng trưởng bình quân 12,5% năm; axit HCl thương phẩm đạt 575 nghìn tấn, tốc độ tăng trưởng bình quân 3,3% năm

- Sản phẩm apatit các loại đạt 17.700 nghìn tấn, bình quân tăng 4,7%/năm;

- Nhóm các sản phẩm khác đều có tốc độ tăng trưởng bình quân từ 3-9%/năm.

3. Kế hoạch các dự án đầu tư

3.1. Các dự án của Công ty Mẹ - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Tập đoàn sẽ tập trung thực hiện hoàn thành các dự án chuyên tiếp từ 2015 trong đó :

- Dự án khai thác, chế biến muối mỏ tại Lào: Tập đoàn tập trung chỉ đạo sớm kết thúc công việc lựa chọn nhà thầu gói thầu EPC để khởi công dự án khai thác, chế biến (10km²) vào năm 2015; dự kiến hoàn thành tháng 12/2018 và từ năm 2019 sẽ đưa nhà máy vào vận hành khai thác.

- Dự án xây dựng Nhà máy NH₃ công suất 300.000-320.000 tấn/năm (trong đó có nghiên cứu phương án sản xuất sản phẩm methanol). Dự kiến năm 2020 sẽ đưa vào vận hành.

- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nguyên liệu kháng sinh bán tổng hợp nhóm Cephalosporin công suất 150 tấn/năm; Dự kiến năm 2019 sẽ đưa vào vận hành.

Về dự án khai thác chế biến muối mỏ tại Lào (196km²): với mức dự kiến đầu tư của dự án lớn nên Tập đoàn sẽ thành lập công ty cổ phần để phù hợp với khả năng thu xếp vốn đầu tư. Công việc chuẩn bị đầu tư đang được triển khai, tiến độ dự kiến kết thúc các công việc chuẩn bị đầu tư (phê duyệt Báo cáo NCKT, ĐTM) vào Quý II/2017, khởi công năm 2018, năm 2022 đưa vào vận hành khai thác.

- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy DAP (số 3) tại Lào Cai : Sau khi dự án đầu tư xây dựng nhà máy DAP số 2 tại Lào Cai đi vào hoạt động đầu năm 2015,

năng lực sản xuất DAP toàn Tập đoàn đạt 660.000 tấn/năm nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu trong nước, vì vậy trong giai đoạn 2016-2020 sẽ tiếp tục triển khai chương trình nâng công suất sản xuất DAP lên 1.000.000 tấn/năm (Tập đoàn đã lựa chọn phương án xây dựng nhà máy tại Lào Cai công suất 330.000 tấn/năm dưới hình thức công ty cổ phần)

Trong giai đoạn này, Công ty Mẹ - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam cũng sẽ tiếp tục xem xét đầu tư triển khai thực hiện dự án sản xuất phân bón Suphat amôn 600.000 tấn/năm (giai đoạn 1 công suất 300.000 tấn/năm); dự án sản xuất Sô đa công suất trên 200.000 tấn/năm và dự án đầu tư sản xuất xút công suất 100.000 đến 120.000 tấn/năm.

3.2. Các dự án của đơn vị thành viên, công ty cổ phần mà Tập đoàn giữ cổ phần chi phối:

Trong giai đoạn 2016-2020, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam chỉ đạo các đơn vị thành viên tập trung khai thác năng lực sản xuất các dự án hoàn thành trong giai đoạn 2011-2015 cùng với việc đánh giá thị trường trong nước, xuất khẩu để có kế hoạch đầu tư phù hợp nhằm hoàn thành các nhiệm vụ và mục tiêu phát triển của Tập đoàn trong giai đoạn với các nội dung sau :

a/ Nhóm các sản phẩm phân bón :

~~Phân đạm Urê : Tập trung khai thác năng lực sản xuất của Nhà máy Đạm Ninh Bình và Nhà máy Đạm Hà Bắc kết hợp với việc tìm kiếm thị trường xuất khẩu để đảm bảo sản xuất và tiêu thụ đạt công suất thiết kế (quy ra urê và NH₃); Thực hiện đầu tư sâu về cải tiến công nghệ, thiết bị để giảm định mức tiêu hao, hạ giá thành sản phẩm, không thực hiện đầu tư thêm nhà máy hoặc mở rộng, nâng công suất sản xuất phân đạm ure trong giai đoạn 2016-2020.~~

- Phân lân các loại và phân bón NPK:

Dự báo thị trường supe lân và lân nung chảy không tăng do việc chuyển đổi sử dụng phân bón của người nông dân. Tuy nhiên, do yêu cầu di dời nên tiếp tục triển khai dự án di dời của Công ty CP Phân lân Văn Điển với 3 giai đoạn (giai đoạn 1 dự kiến hoàn thành cuối năm 2016 giữ nguyên công suất 300.000 tấn lân nung chảy; giai đoạn 2 dự kiến hoàn thành cuối năm 2017 dây chuyền sản xuất 200.000 tấn NPK/năm; giai đoạn 3 hoàn thành cuối 2018 nâng công suất lân nung chảy lên 500.000 tấn/năm).

Sản phẩm phân bón NPK của các đơn vị trong Tập đoàn vẫn được thị trường trong nước ưa chuộng và đã có một số thị trường xuất khẩu. Trong kỳ kế hoạch sẽ hoàn thành các dự án đầu tư sản xuất phân bón NPK chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015 gồm:

+ Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền NPK hàm lượng cao công suất 200.000 tấn/năm đa sản phẩm của Công ty CP Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao - Kết thúc đầu tư năm 2016.

+ Dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK 400.000 tấn/năm tại Ninh Bình của Công ty CP phân bón Bình Điền - Kết thúc đầu tư năm 2017.

+ Dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK 400.000 tấn/năm tại Vĩnh Cửu, Đồng Nai của Công ty CP phân bón Bình Điền - Kết thúc đầu tư năm 2020.

Cùng với việc hoàn thành các dự án nêu trên dự kiến sẽ thực hiện đầu tư công nghệ thay đổi quy cách chất lượng sản phẩm hiện nay nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường; nghiên cứu cơ hội đầu tư sản xuất phân supe photphat kép.

b/ Nhóm sản phẩm hóa chất:

Tập trung đầu tư vào các sản phẩm hiện đang có thị trường như các sản phẩm từ xút, sản phẩm từ Clo, axit photphoric, photpho vàng và các sản phẩm hóa chất mới khác trên cơ sở chuyển đổi công nghệ đáp ứng yêu cầu về môi trường và tiết kiệm năng lượng.

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất axit sunfuric 300.000 tấn kết hợp phát điện (chuyển tiếp từ 2015) để thay thế 3 dây chuyền sản xuất axit hiện tại nhằm chủ động trong việc cung cấp nguyên liệu sản xuất phân bón hỗn hợp, nâng cao khả năng cạnh tranh, phát triển và từng bước xử lý tốt hơn các vấn đề liên quan đến môi trường.

c/ Nhóm các sản phẩm cao su:

Đây là nhóm sản phẩm có mức đầu tư không lớn, đầu tư theo nhu cầu thị trường cùng với việc giá nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng giảm nên đầu tư có hiệu quả. Sản phẩm cao su rất đa dạng từ lớp tô (lớp Bias, lớp Radial) đến săm lớp xe máy, xe đạp, cao su kỹ thuật. Với quan điểm cần phát triển nhóm sản phẩm cao su đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, trong kỳ kế hoạch 2016-2020 sẽ hoàn thành 02 dự án lớp Radial (chuyển tiếp): Dự án của Công ty CP Cao su Đà Nẵng công suất 600.000 lớp/năm và Dự án của Công ty CP Công nghiệp cao su Miền Nam công suất 1.000.000 lớp/năm; thực hiện dự án di dời Nhà máy hiện tại của Công ty CP Cao su Sao Vàng (từ Thanh Xuân, Hà Nội về Khu CN Châu Sơn, Hà Nam), đồng thời sẽ triển khai thực hiện một số dự án mà hiện sản phẩm vẫn phải nhập khẩu, gồm:

+ Dự án di dời xưởng sản xuất lớp bán thép Đông Nai II về Bình Dương, nâng công suất sản xuất lớp bán thép lên 4.000.000 lớp/năm của Công ty CP Công nghiệp cao su Miền Nam; kết thúc đầu tư năm 2020.

+ Dự án xây dựng xưởng cao su kỹ thuật công suất 250 tấn/năm tại Bình Dương của Công ty CP Công nghiệp cao su Miền Nam; kết thúc đầu tư năm 2020.

+ Dự án đầu tư sản xuất lớp xe bán thép tại Khu công nghiệp Liên Chiểu, Đà Nẵng của Công ty CP Cao su Đà Nẵng; kết thúc đầu tư năm 2020.

Căn cứ vào thị trường tiêu thụ trong kỳ kế hoạch có thể xem xét, triển khai thực hiện dự án nâng công suất sản xuất lớp Radial của Công ty CP Cao su Đà Nẵng từ 600.000 lớp lên 1.000.000 lớp/năm.

d/ Nhóm sản phẩm khai thác quặng, chế biến nguyên liệu:

Thực hiện các dự án điều tra, thăm dò quặng để tiến hành khai thác đảm bảo yêu cầu cho sản xuất phân bón của các đơn vị trong giai đoạn mới. Đầu tư mở rộng các khai trường hiện có của Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam; triển khai dự án mở rộng nâng công suất Nhà máy tuyển Bắc Nhạc Sơn lên 700.000 tấn/năm; nghiên cứu cơ hội đầu tư Nhà máy tuyển quặng II để triển khai đầu tư giai đoạn 1 công suất 400.000 tấn/năm trong kỳ kế hoạch.

e/ Nhóm sản phẩm Pin, ắc quy:

Căn cứ vào nhu cầu thị trường tiêu thụ hiện nay và trong các năm tiếp theo, giai đoạn 2016- 2020 tập trung đầu tư đổi mới công nghệ để sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu sử dụng trong nước và xuất khẩu. Đầu tư chiều sâu về công nghệ, thiết bị cho sản xuất hiện tại, đồng bộ để đáp ứng năng lực sản xuất toàn dây chuyền.

g/ Nhóm sản phẩm chất tẩy rửa:

Tập trung hoàn thành đầu tư xây dựng nhà máy bột giặt mới tại KCN Lộc An- Đồng Nai của Công ty CP Bột giặt NET và dự án đầu tư xây dựng nhà máy LIX- Bắc Ninh của Công ty CP Bột giặt LIX cùng với năng lực sản xuất hiện nay về cơ bản đáp ứng được yêu cầu của thị trường

h/ Nhóm sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật: Căn cứ vào nhu cầu của thị trường và năng lực sản xuất hiện nay, dự kiến chủ yếu là đầu tư chiều sâu về thiết bị sản xuất nhằm nâng cao công suất dây chuyền và chất lượng sản phẩm hiện có của Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam, chuẩn bị và thực hiện di dời một số cơ sở sản xuất theo yêu cầu quy hoạch; tiếp tục tìm kiếm công nghệ và đối tác chuyên giao để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất chế phẩm validamycin, sản phẩm nhóm triazole.

i/ Nhóm các dự án khác: chủ yếu là các dự án đầu tư mua sắm thiết bị lẻ phục vụ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, nâng cấp mở rộng nhà xưởng, đầu tư cải tạo môi trường sản xuất công nghiệp theo hướng sạch hơn ...

Tổng giá trị dự kiến đầu tư giai đoạn 2016 – 2020 là 50.580 tỷ đồng gồm 73 dự án (danh mục dự án theo Phụ lục 6)

- Dự án của Công ty mẹ: 34.268 tỷ đồng (9 dự án), trong đó:

- + Dự án chuyển tiếp: 22.193 tỷ đồng (4 dự án)
- + Dự án hoàn thành : 3.060 tỷ đồng (1 dự án)
- + Dự án khởi công mới: 9.015 tỷ đồng (4 dự án)

- Dự án của đơn vị thành viên và công ty CP do Tập đoàn giữ cổ phần chi phối: 16.312 tỷ đồng (64 dự án), gồm:

- + Dự án chuyển tiếp: 4.494 tỷ đồng (15 dự án)
- + Dự án hoàn thành: 7.888 tỷ đồng (45 dự án)
- + Dự án đầu tư mới: 3.930 tỷ đồng (4 dự án)

- Về nhóm sản phẩm đầu tư giai đoạn 2016-2020 của toàn Tập đoàn gồm :

- + Dự án về phân bón: 5.940 tỷ đồng (8 dự án)
- + Dự án về quặng, khai thác: 15.926 tỷ đồng (8 dự án)
- + Dự án về sản phẩm cao su: 6.608 tỷ đồng (8 dự án)
- + Dự án về Hóa chất cơ bản: 17.836 tỷ đồng (12 dự án)
- + Dự án về chất tẩy rửa: 376 tỷ đồng (4 dự án)
- + Dự án về pin ắc quy: 418 tỷ đồng (6 dự án)
- + Dự án về Khí công nghiệp: 164 tỷ đồng (1 dự án)

- + Nguyên liệu thuốc kháng sinh : 900 tỷ đồng (1 dự án)
- + Dự án khác: 2.549 tỷ đồng (25 dự án)

Tiến độ giải ngân:

- Năm 2016: 8.722 tỷ đồng
- Năm 2017: 10.484 tỷ đồng
- Năm 2018: 11.553 tỷ đồng
- Năm 2019: 9.328 tỷ đồng
- Năm 2020: 10.493 tỷ đồng

Nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước: 8 tỷ đồng
- Vốn khác (vốn đầu tư của CSH, vốn vay): 50.572 tỷ đồng

4. Nhu cầu vốn cho giai đoạn 2016-2020:

Kế hoạch đầu tư của Tập đoàn giai đoạn 2016 - 2020: Tổng mức đầu tư dự án là: 50.580 tỷ đồng. Trong đó dự kiến nguồn vốn đầu tư:

- Vốn Ngân sách Nhà nước : 8 tỷ đồng;
- Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ tăng thêm) : 15.174 tỷ đồng;
- Vốn vay (70% tổng giá trị dự kiến đầu tư) : 35.398 tỷ đồng.

5. Các giải pháp thực hiện

5.1. Giải pháp về tài chính

- Tập trung, tích tụ nguồn lực tài chính cho các dự án trọng điểm thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam. Hỗ trợ về vốn, quản lý tài chính để các dự án này sau khi hoàn thành đầu tư nhanh chóng phát huy hiệu quả sau đầu tư, khấu hao và trả nợ đúng quy định.

- Tập trung thực hiện thoái vốn và cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn theo đề án tái cơ cấu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tạo nguồn lực tài chính tập trung cho Tập đoàn.

- Thực hiện cân đối các nguồn vốn, tìm kiếm các nguồn vốn mới để phục vụ cho đầu tư, kinh doanh phát triển. Thực hiện bổ sung vốn điều lệ cho Tập đoàn theo quy định tại Nghị định 190/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Hóa chất VN và phương án tăng vốn điều lệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tăng cường và thường xuyên kiểm tra, giám sát tài chính theo các quy định tại Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về việc Ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước, Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định 61/2013/NĐ-CP.

5.2. Giải pháp về sản xuất

- Phát huy hiệu quả các dự án đã đầu tư, tập trung bảo đảm các cân đối lớn về phân bổ và hàng tiêu dùng thiết yếu.

- Tăng cường năng lực vận hành, bảo trì hệ thống thiết bị công nghệ bảo đảm sản xuất ổn định, phát huy tối đa công suất. Tập trung nghiên cứu và áp dụng các biện pháp ổn định chất lượng sản phẩm

- Không ngừng hoàn thiện hệ thống sản xuất đối với các ngành hàng, bảo đảm hiệu quả sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường về chất lượng, tính năng sử dụng, phát triển các sản phẩm đặc chủng đối với từng đối tượng khách hàng với giá cả phù hợp.

5.3. Giải pháp về marketing

- Đặt vị trí kế hoạch marketing là trung tâm của các lĩnh vực trong dài hạn. Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện chính sách thương hiệu, hình thành văn hóa doanh nghiệp mang đậm hình ảnh của Tập đoàn.

- Xây dựng thương hiệu Tập đoàn. Gắn kết thương hiệu Tập đoàn với phát triển các nhãn hiệu, thương hiệu của các Công ty con, đây được coi là các hoạt động được ưu tiên trong suốt kỳ kế hoạch.

- Xây dựng và chuẩn hoá quy tắc, cách thức ghi nhãn hiệu hàng hoá thống nhất trên tất cả các loại sản phẩm, dịch vụ của Vinachem. Đăng ký mã vạch và tem hàng hoá cho các sản phẩm đủ điều kiện.

- Khác biệt hoá bằng lợi thế quy mô. Triển khai hệ thống phân phối và dự trữ để củng cố thế mạnh trên thị trường. Xác lập hệ thống phân phối theo hướng tiếp cận gần hơn, trực tiếp hơn đến người tiêu dùng cuối cùng bảo đảm mức tiêu thụ, chi phí, khả năng quản lý và đủ sức phục vụ khách hàng. Phối hợp với các địa phương thành lập mạng lưới dịch vụ phân bón và xây dựng kênh bán hàng từ các nhà máy đến các dịch vụ này nhằm hạn chế tình trạng đầu cơ, ép giá nông dân. Tích cực tham gia vào nhiệm vụ dự trữ lưu thông, bình ổn giá, đặc biệt là với mặt hàng phân bón.

- Mở rộng nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa có tiềm năng.

- Mở rộng hoạt động marketing với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

5.4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tuyển dụng mới nhân sự cho Tập đoàn, ưu tiên đội ngũ nhân sự có chất lượng đảm bảo cho sự phát triển của Tập đoàn trong tương lai.

- Hình thành quy hoạch nhân sự mới, phù hợp để phát huy tối đa tính sáng tạo trong môi trường kinh doanh mới.

- Tận dụng tối đa nguồn nhân lực hiện có theo hướng tái sắp xếp, bố trí nhân sự một cách hiệu quả nhất.

- Chú trọng thu hút các chuyên gia đầu ngành, đặc biệt quan tâm lực lượng nhân sự quốc tế và Việt kiều trong điều kiện hội nhập.

- Hoàn thiện hệ thống hồ sơ, dữ liệu nhân sự bằng phần mềm quản trị nhân sự, đồng thời hoàn thiện chính sách đánh giá, khen thưởng, thuyên chuyển và đề bạt.

- Tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập nâng cao trình độ, chuyên môn đặc biệt là các khóa học về ngoại ngữ và quản trị doanh nghiệp.

5.5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Tiếp cận công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm định mức tiêu hao, tăng sức cạnh tranh bền vững.

- Hướng các hoạt động nghiên cứu phát triển của Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam phục vụ cho phát triển công nghệ và các sản phẩm, nguyên liệu cho ngành.

- Thông qua các dự án liên doanh với nước ngoài về nhiên liệu hóa thạch, tạo bước đột phá về công nghệ.

- Quốc tế hóa việc thẩm định đối với các dự án đầu tư mới để bảo đảm đạt trình độ công nghệ kỹ thuật cao.

- Thực hiện tin học hóa hệ thống quản lý điều hành Tập đoàn.

- Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ tuyển quặng apatit loại II để đạt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hợp lý, nghiên cứu sử dụng tinh quặng tuyển từ quặng loại II để sản xuất phân bón có hiệu quả; Tiếp tục nghiên cứu tuyển quặng apatit loại 4 trong phòng thí nghiệm và quy mô bán công nghiệp nhằm sử dụng tiết kiệm tài nguyên, trữ lượng quặng phục vụ sản xuất phân bón và các sản phẩm khác phục vụ nền kinh tế quốc dân.

- Nâng cao năng lực tư vấn, thiết kế công nghiệp hoá chất.

5.6. Giải pháp về quản lý và điều hành

- Thực hiện tiếp các nội dung tại Quyết định số 2097/QĐ-TTg ngày 28/12/2012 giai đoạn 2012-2015. Thực hiện Phương án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước (bổ sung) giai đoạn 2014 - 2015 và xây dựng Phương án sắp xếp cho giai đoạn sau theo quy định tại Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ trên cơ sở Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế Tài chính của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan.

- Hình thành hệ thống quản lý tập trung cao, tạo sức mạnh cho Công ty mẹ - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; đồng thời thực hiện phân quyền cho các công ty thành viên để phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị thành viên.

- Tuân thủ các quy chế phân công, phân cấp, quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn.

- Phát triển hệ thống tư vấn ngoài Tập đoàn theo phương thức hợp đồng tư vấn thường xuyên và tư vấn vụ việc thông qua các công ty, tổ chức chuyên nghiệp để giảm thiểu một số hoạt động không thường xuyên.

- Phát triển các mối quan hệ hợp tác và liên kết trong sản xuất kinh doanh với các tập đoàn trong nước và quốc tế.

IV. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 2016-2020, ngoài việc tập trung thực hiện các giải pháp nêu trên, Tập đoàn Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành quan tâm giải quyết một số nội dung sau:

1. Tăng vốn điều lệ Tập đoàn từ 16.000 tỷ lên 31.000 tỷ đồng, phù hợp quy mô phát triển của Tập đoàn.

Với mục tiêu trở thành Tập đoàn hàng đầu trong khu vực về lĩnh vực công nghiệp hóa chất cơ bản, hóa chất phục vụ nông nghiệp, tiêu dùng và xuất khẩu. Từ nay đến năm 2020, Tập đoàn sẽ thực hiện nhiều dự án, nhiệm vụ để đạt mục tiêu. Tổng giá trị đầu tư dự án trong giai đoạn này dự kiến 50.580 tỷ đồng, tương ứng với tổng mức vốn đầu tư hình thành tài sản cố định của Tập đoàn dự kiến tăng thêm 50.000 tỷ đồng. Vốn điều lệ nếu không tăng tương ứng dẫn tới hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu vượt mức cho phép theo quy định của Nhà nước (trên 3 lần).

Mặt khác để đạt được mục tiêu mở rộng quy mô hoạt động của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam trong giai đoạn 2016-2020 phải tăng vốn điều lệ. Theo quy định Nhà nước hiện hành, mức tăng này tối đa không quá 30% tổng mức đầu tư hình thành tài sản của Tập đoàn tương ứng 15.000 tỷ.

Vì vậy, Tập đoàn đề nghị Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương cho Tập đoàn xây dựng vốn điều lệ của Tập đoàn tăng trong giai đoạn 2016-2020, từ 16.000 tỷ hiện nay lên 31.000 tỷ đồng vào năm 2020.

2. Kiến nghị về apatit

Để chủ động nguyên liệu cho các Nhà máy tuyển và các nhà máy chế biến sâu quặng apatit đã được đầu tư theo Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của xã hội nói chung và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam nói riêng, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đề nghị:

- Bộ Công Thương sớm hoàn thiện và ban hành Quy chế Hợp tác trong việc đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến quặng apatit tại Lào Cai.

- Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo và đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cấp phép thăm dò cho Công ty Apatit Việt Nam các khai trường từ 26 đến 29 theo Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để đáp ứng quặng cho các Nhà máy tuyển và cho các Nhà máy sản xuất phân bón đã và đang đầu tư.

- Bộ Công Thương ủng hộ, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Công ty Apatit Việt Nam thực hiện khảo sát, tìm kiếm, đánh giá trữ lượng quặng apatit tại các khai trường chưa được đề cập trong Quy hoạch.

- Bộ Công Thương ủng hộ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép Công ty Apatit Việt Nam triển khai dự án mở rộng nâng công suất nhà máy tuyển quặng Bắc Nham Sơn để đảm bảo cung cấp đủ quặng cho nhu cầu của nền kinh tế.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2011-2015 và xây dựng phương hướng nhiệm vụ 2016-2020 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Kính trình Bộ Công Thương xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. / Tg

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đảng ủy Tập đoàn;
- TV Hội đồng thành viên;
- Kiểm soát viên Tập đoàn;
- TGD, Các Phó TGD (để chỉ đạo);
- Các Ban của Tập đoàn (để thực hiện);
- Lưu: VT, KHKD.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Nguyễn Anh Dũng



THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NH DOANH
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2010	Thực hiện Năm 2011	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2013	Ước thực hiện năm 2014	Ước thực hiện năm 2015	Tổng cộng 5 năm 2011-2015	Tốc độ tăng trưởng b/q 2011-2015
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
I	Giá trị sản xuất công nghiệp (CĐ 1994)	Tr. Đồng	13.773.037	14.837.388	15.655.750	16.237.792	17.287.420	19.058.820	83.077.170	106,7
II	Giá trị sản xuất CN theo giá Thực tế	Tr. Đồng	28.199.227	38.641.709	40.595.956	41.499.218	41.948.200	45.446.600	208.131.683	110,0
III	Giá trị sản xuất CN theo giá SS 2010	Tr. Đồng	28.199.227	33.636.567	35.043.773	36.597.154	38.080.165	41.269.800	184.627.459	107,9
IV	Doanh thu	Tr. Đồng	29.838.010	39.051.363	43.476.253	43.830.559	44.363.881	47.867.000	218.589.056	109,9
V	Sản phẩm Sản xuất chủ yếu									
1	Quặng Apatit các loại	tấn	2.364.592	2.394.511	2.363.928	2.656.051	2.690.000	3.025.000	13.129.490	105,0
2	Supe lân	tấn	961.431	1.031.092	1.009.592	985.463	996.000	996.000	5.018.147	100,7
3	Lân nung chảy	tấn	474.115	489.996	521.384	545.544	565.000	565.000	2.686.924	104,0
4	Phân Đạm Urê	tấn	190.019	196.110	319.361	500.326	576.000	672.000	2.263.797	138,3
5	Phân Diamino phosphate	tấn	156.190	242.889	284.891	216.669	271.000	420.000	1.435.449	121,9
6	Phân Hỗn hợp NPK	tấn	1.727.228	1.986.504	1.923.443	1.880.426	1.858.000	1.882.000	9.530.373	101,7
7	Thuốc sát trùng	tấn	11.000	16.959	17.366	16.761	16.100	16.000	83.186	107,8
8	Xút Thương phẩm (NaOH)	tấn	29.848	35.254	32.651	34.525	36.300	36.700	175.430	104,2
9	Axit HCL Thương phẩm	tấn	76.335	83.919	73.264	76.254	80.500	101.700	415.637	105,9
10	Amoniác (NH3)	tấn	5.524	7.692	8.945	12.364	34.300	85.000	148.301	172,8
11	Lốp xe đạp	1000 ch	11.671	9.336	10.084	11.146	10.450	10.990	52.006	98,8
12	Lốp xe máy	1000 ch	5.754	6.489	5.576	5.493	5.650	6.343	29.551	102,0
13	Lốp Ô tô	Chiếc	1.970.000	1.803.700	1.753.600	1.941.700	1.966.000	2.080.000	9.545.000	101,1
14	Pin các loại	1000 viên	208.500	221.150	221.880	215.300	215.000	217.000	1.090.330	100,8
15	Ắc quy các loại	kvh	1.749.000	1.686.000	1.149.000	1.300.000	1.330.000	1.330.000	6.795.000	94,7
16	Chất tẩy rửa	tấn	383.710	331.000	339.800	341.000	375.000	379.000	1.765.800	99,8
VI	Năng lực mới tăng thêm (Theo công suất)									
1	Phân Ure	tấn			560.000		300.000		860.000	
2	Quặng Apatit tuyển	tấn			350.000				350.000	
3	Lốp Radial	chiếc				300.000	350.000		650.000	
4	Ắc quy các loại	binh			450.000	750.000			1.200.000	
5	Phân-NPK	Tấn								
6	Phân DAP	Tấn					330.000		330.000	

VII	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	Tr USD	389	629	630	588	581	632	3.060	1102
I	Kim ngạch xuất khẩu	Tr USD	162	257	2	237	243	284	1.268	111,9
	Sản phẩm xuất khẩu									
	Lâu nung chảy	Tấn	1.244	8.243	12.947	10.895	11.150	15.540	58.775	165,7
	Phân hỗn hợp NPK	"	109.743	132.548	184.404	150.540	183.600	194.580	845.672	112,1
	Lốp xe đạp	1000 ch	649	609	516	468	680	791	3.064	104,0
	Lốp xe máy	1000 ch	735	800	914	988	1.060	1.173	4.935	109,8
	Lốp Ô tô các loại	chiếc	427.130	349.160	410.706	543.057	511.000	586.000	2.399.923	106,5
	Pin các loại	1000 viên	25.190	33.370	35.672	31.802	35.000	35.000	170.844	106,8
	Ắc quy	kwh	327.677	383.981	409.827	392.997	428.700	462.570	2.078.075	107,1
	Chốt tẩy rửa	Tấn	42.062	47.178	40.188	34.910	39.900	41.885	204.061	99,9
2	Kim ngạch nhập khẩu	Tr USD	227	372	383	351	338	348	1.792	108,9
VIII	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	6.544	4.713	6.065	7.656	7.093	5.497	31.024	96,6

HÌNH ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIỚI ĐOẠN 2011-2015
CỦA TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

Đơn vị tính: tỷ đồng

Nguồn vốn	Kế hoạch						Thực hiện 2011-2015	Tỷ lệ %	Tăng trưởng bình quân 16-20
	2010	2011	2012	2013	2014	2015			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Trong đó:									
1. Vốn đầu tư phát triển NSNN	14	-	-	-	-	-	-		0%
Trong đó: - Vốn trong nước	1	-					-		
- Vốn nước ngoài	12						-		
2. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước	8	1.517	1.519	2.355	1.859	618	7.868		241%
Trong đó: - Vốn trong nước	8	1.517	1.519	2.355	1.859	618	7.868		241%
- Vốn nước ngoài							-		
3. Vốn đầu tư của các doanh nghiệp Nhà nước	1.432	3.195	4.546	5.301	5.234	4.889	23.166		128%
- Vốn chủ sở hữu (bao gồm: vốn đầu tư của chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế, quỹ đầu tư phát triển)	956	689	1.586	2.271	2.255	1.974	8.776		116%
- Từ bán trái phiếu, cổ phiếu							-		
- Vốn vay thương mại	441	2.497	2.960	3.030	2.979	2.915	14.381		146%
- Góp vốn với liên doanh nước ngoài	35	9					9		
Cộng	1.454	4.713	6.065	7.656	7.093	5.507	31.034		

10.11



Handwritten scribbles and marks at the bottom left corner of the page.

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 (ĐIỀU CHỈNH)
ĐƠN VỊ TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM**

TT	Tên dự án	Nhóm	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	TMĐT tỷ đồng (Tr.USD)	Nguồn vốn giai đoạn từ 2011-2015 (tỷ đồng)					Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)					
								Tổng số	NS	TDNN	Chủ sở hữu	Vay thương mại	Khác	2011	2012	2013	2014	2015
	TỔNG SỐ							31.034	0	7.868	8.776	13.751	639	4.713	6.065	7.656	7.093	5.497
A	CÔNG TY MẸ							5.262	0	1.580	852	2.830	0	2.384	1.077	50	742	1.009
I	Dự án chuyển tiếp							3.300	0	1.210	0	2.090	0	2.300	1.000			
1	Dự án Nhà máy đạm than Ninh Bình (đã hoàn thành)	A	Tập đoàn HCVN	Khu CN Khánh phú - Ninh Bình	2008 -2012	560.000 T/năm	13.340 (~667 Tr USD)	3.300		1.210		2.090	0	2.300	1.000			
II	Dự án đầu tư mới							1.590		300	550	740	0	84	77	48	681	700
1	Dự án khai thác, chế biến muối mỏ tại Lào (10 Km ²)	A	Tập đoàn HCVN	Khăm Muộn, CHDCND Lào	2013-2017	320.000 T/năm	10.882 (522 Tr USD)	1.300		300	260	740	0	84	57	28	581	550
2	Dự án Sorbitol (góp vốn)	B	Cty CP Hóa chất Tây Ninh	Cụm CN Tân Hội, Tây Ninh	2014-2015	30.000 T/năm	485	170			170				20	20	50	80
3	DA ĐTXD trụ sở Tổng công ty HCVN (nay là Tập đoàn HCVN)	B	Tập đoàn HCVN	1A Trảng Tiển- Hà Nội	2009-2016		442	120			120						50	70
III	Dự án chuẩn bị đầu tư							372		70	302	0	0			2	61	309
1	Dự án nhà máy sản xuất Amoniac	A	Tập đoàn HCVN		2015-2018	300.000 T/n	11.600 (~550 tr USD)	211			211					1	10	200
2	Dự án khai thác, chế biến muối mỏ tại Lào (196 Km ²)	A	Tập đoàn HCVN	Khăm Muộn, CHDCND Lào	2015-2018	500.000 T/n	800 Tr. USD	56			56					1	45	10
3	Dự án sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh	B	Tập đoàn HCVN	Miền Nam	2015-2017	150 T/năm	640 (~32 Tr USD)	100		70	30		0				5	95

TT	Tên dự án	Nhóm	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	TMDT tỷ đồng (Tr.USD)	Nguồn vốn giai đoạn từ 2011-2015 (tỷ đồng)						Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)					
								Tổng số	NS	TDNN	Chủ sở hữu	Vay lương mai	Khác	2011	2012	2013	2014	2015	
4	Dự án Lốp Radial	A	Tập đoàn HCVN	Miền Trung hoặc miền Nam	2015-2020	3.000.000 lốp/năm	15.000	5			5						1	4	
B	CÔNG TY CON							25.772	0	6.288	7.924	10.921	639	2.329	4.988	7.606	6.351	4.488	
I	Dự án chuyển tiếp							15.116	0	4.216	4.074	6.826	0	2.157	4.166	4.665	2.528	1.600	
I.1	Phân bón							10.101	0	3.944	2.553	3.604	0	1.191	2.183	3.718	2.382	627	
1	Dự án cải tạo mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc	A	Cty TNHH MTV Phân đạm và HC Hà Bắc	Bắc Giang	2010-2014	500.000 T/năm	10.122 (~567 Tr USD)	10.079		3.944	2.546	3.589		1.176	2.176	3.718	2.382	627	
2	Đầu tư cải tạo dây chuyền sản xuất F1 CS 60.000 t/n (đã hoàn thành)	C	Công ty CP Phân bón và HC Cần Thơ	Khu CN Trà Nóc	2010-2011	60.000 T/năm	25	22			7	15		15	7				
I.2	Quặng							416	0	272	85	59	0	236	145	30	5		
1	DA Nhà máy tuyển apatit loại 3 khu Bắc Nhạc Sơn (đã hoàn thành)	B	Cty Apatit Việt Nam	Xã Đồng Tuyển- Lào Cai	2008-2012	350.000 T/năm	650	340		272	68			220	120				
2	Dự án xưởng tuyển fenspat mở Ngọt	B	Cty Apatit Việt Nam	Phú Thọ	2010-2014	54.600 T/năm	76	76			17	59		16	25	30	5		
I.3	Sân phẩm cao su							6.507	4.483	0	0	1.407	3.076	0	614	1.838	917	141	973
1	Dự án sản xuất lốp xe tải Radial (2 giai đoạn)	A	Cty CP cao su Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu - Đà Nẵng	2010-2016	600.000 lốp/năm	2.993	2.595	0	0	779	1.817	0	500	1.200	150	80	665	
-	<i>Giai đoạn 1 (đã hoàn thành)</i>				2010-2014	300.000 lốp/năm	2.127	1.930			579	1351	0	500	1.200	150	80		
-	<i>Giai đoạn 2</i>				2015-2016	300.000 lốp/năm	865	665			199,5	465,5	0					665	

TT	Tên dự án	Nhóm	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	TMĐT tỷ đồng (Tr.USD)	Nguồn vốn gini đoạn từ 2011-2015 (tỷ đồng)					Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)					
								Tổng số	NS	TDNN	Chủ sở hữu	Vay thương mại	Khác	2011	2012	2013	2014	2015
2	Dự án sản xuất lớp xe tải toàn thép (3 giai đoạn)	A	Cty CP CN cao su miền Nam	Tân Uyên, Bình Dương	2010-2018	1.000.000 lớp/năm	3.380	1.808	0	0	597	1.211	0	34	638	767	61	308
-	Giai đoạn 1 (đã hoàn thành)				2010-2014	350.000 lớp/năm	2.018	1.500			495	1005	0	34	638	767	61	
-	Giai đoạn 2				2015-2016	250.000 lớp/năm	616	308			101,6	206,36	0					308
-	Giai đoạn 3				2017-2018	400.000 lớp/năm	746											
3	Dự án di dời XN sẫm lớp xe đạp, xe máy vào khu CN Liên chiểu (đã hoàn thành)	B	Cty CP cao su Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu - Đà Nẵng	2010-2011	3,6 tr. lớp, XD + 1,2 tr. lớp, 3,6 tr. sẫm XM/năm	134	80			32	48	0	80				
I.4	Hóa chất cơ bản							18	0	0	0	18	0	18				
1	Đầu tư hệ thống sấy và vật zeolite (đã hoàn thành)	C	Công ty CP Phân bón và HC Cần Thơ	Khu CN Trà Nóc	2010-2011	20.000 t/năm	20	11				11		11				
2	Đầu tư mở rộng nâng công suất xường silicat (đã hoàn thành)	C	Công ty CP Phân bón và HC Cần Thơ	Khu CN Trà Nóc	2010-2011	25.000 T/năm	7	7				7		7				
I.5	Ắc quy các loại							98	0	0	29	69	0	98				
1	DA xây dựng nhà máy Ắc quy Đồng nai 2 (đã hoàn thành)	B	Cty CP Pin Ắc quy MN	Đồng Nai	2009-2011	300.000 kw/h	236,7	98			29,4	68,6		98				
II	Dự án đầu tư mới							10.631	0	2.072	3.825	4.095	639	172	822	2.941	3.819	2.867
II.1	Phân bón							6.664	0	1.826	2.051	2.762	25	18	501	2.586	2.605	954

TT	Tên dự án	Nhóm	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	TMĐT tỷ đồng (Tr.USD)	Nguồn vốn giai đoạn từ 2011-2015 (tỷ đồng)					Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)					
								Tổng số	NS	TDNN	Chủ sở hữu	Vay thương mại	Khác	2011	2012	2013	2014	2015
-	Giai đoạn 1				2014-2015	200.000 T/năm	290	290			116	174				5	135	150
7	Đầu tư dây chuyền sản xuất NPK bằng công nghệ hơi nước thùng quay	B	Công ty CP Phân bón Miền Nam	Hiệp Phước-TP Hồ Chí Minh	2013-2014	100.000 T/n	86	86			66	20				9	77	
8	Dự án xây dựng dây chuyền sản xuất NPK 1 hạt	C	Cty CP phân lân Ninh Bình	Ninh Bình	2014-2015	70.000 T/năm	30	30			30					1	20	9
9	Dự án cải tạo xử lý khí thải các dây chuyền axit	B	Cty CP Supe PP và HC Lâm Thao	Lâm Thao	2014-2015	75.500 m3/h	99,7	99,7			33	66,7					80	19,7
10	Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền NPK 5-10-3	B	Cty CP Supe PP và HC Lâm Thao	Lâm Thao	2014-2015	150.000 T/năm	297	297			89,1	208					70	227
11	Dự án sản xuất NPK hàm lượng cao	B	Cty CP Supe PP và HC Lâm Thao	Lâm Thao	2015	50.000 T/năm	150	150			45	105						150
12	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại xí nghiệp Supe và Xí nghiệp lân nung chảy	B	Cty CP Supe PP và HC Lâm Thao	Lâm Thao	2014-2015	80 m3/h	110	110			33	77					40	70
II.2	Quặng						1.142	659	0	176	264	219	0	6	9	1	238	395
1	Dự án ép quặng cục	C	Cty Apatit Việt Nam	Lào Cai	2011-2012		14	14			14			6	8			

TT	Tên dự án	Nhóm	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	TMĐT tỷ đồng (Tr.USD)	Nguồn vốn giai đoạn từ 2011-2015 (tỷ đồng)					Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)					
								Tổng số	NS	TDNN	Chủ sở hữu	Vay thương mại	Khác	2011	2012	2013	2014	2015
2	ĐA mở rộng nhà máy tuyển Bắc Nhap Sơn	B	Cty Apatit Việt Nam	Lào Cai	2014-2017	700.000 t/năm	550	252		176	76				1	1	50	200
3	Cải tạo khai trường Mỏ Cốc 1, 2;	B	Cty Apatit Việt Nam	Lào Cai	2014-2016	900.000 T/năm	255	150			45	105					60	90
4	Thăm dò khai trường 26-29	B	Cty Apatit Việt Nam		2014-2017		100	50			50						20	20
5	Dự án cải tạo khai trường Cam Đường, Ngòi Đum, Đông Hồ, Khai trường 7 và mở mới các khai trường 18,19,23	B	Cty Apatit Việt Nam		2014-2015	3.500.000 T/năm	163	163			48,9	114					98	65
6	Điều tra cơ bản quặng II khu trung tâm	C	Cty Apatit Việt Nam		2014-2017		60	30			30						10	20
II.3	Sản phẩm cao su						910	760	0	70	353	337	0	95	104	145	266	150
1	Dự án di dời XN sản phẩm lốp ô tô vào khu CN Liên chiểu	B	Cty CP cao su Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu - Đà Nẵng	2012-2014	780.000 lốp ô tô/năm; 800.000 sản phẩm/năm	580	580		70	278	232		95	104	145	236	
2	Dự án xây dựng xưởng cao su kỹ thuật	B	Công ty CP Cao su Miền Nam	Bình Dương	2015-2017	250 t/năm	300	150			45	105					20	130
3	Dự án sản xuất sản phẩm butyl tại xí nghiệp Hác Mỗn	C	Công ty CP Cao su Miền Nam	TP. HCM	2015-2016	500.000 sản phẩm/năm	30	30			30						10	20
II.4	Hón chất cơ bản							1.037	0	0	220	267	550			35	415	587

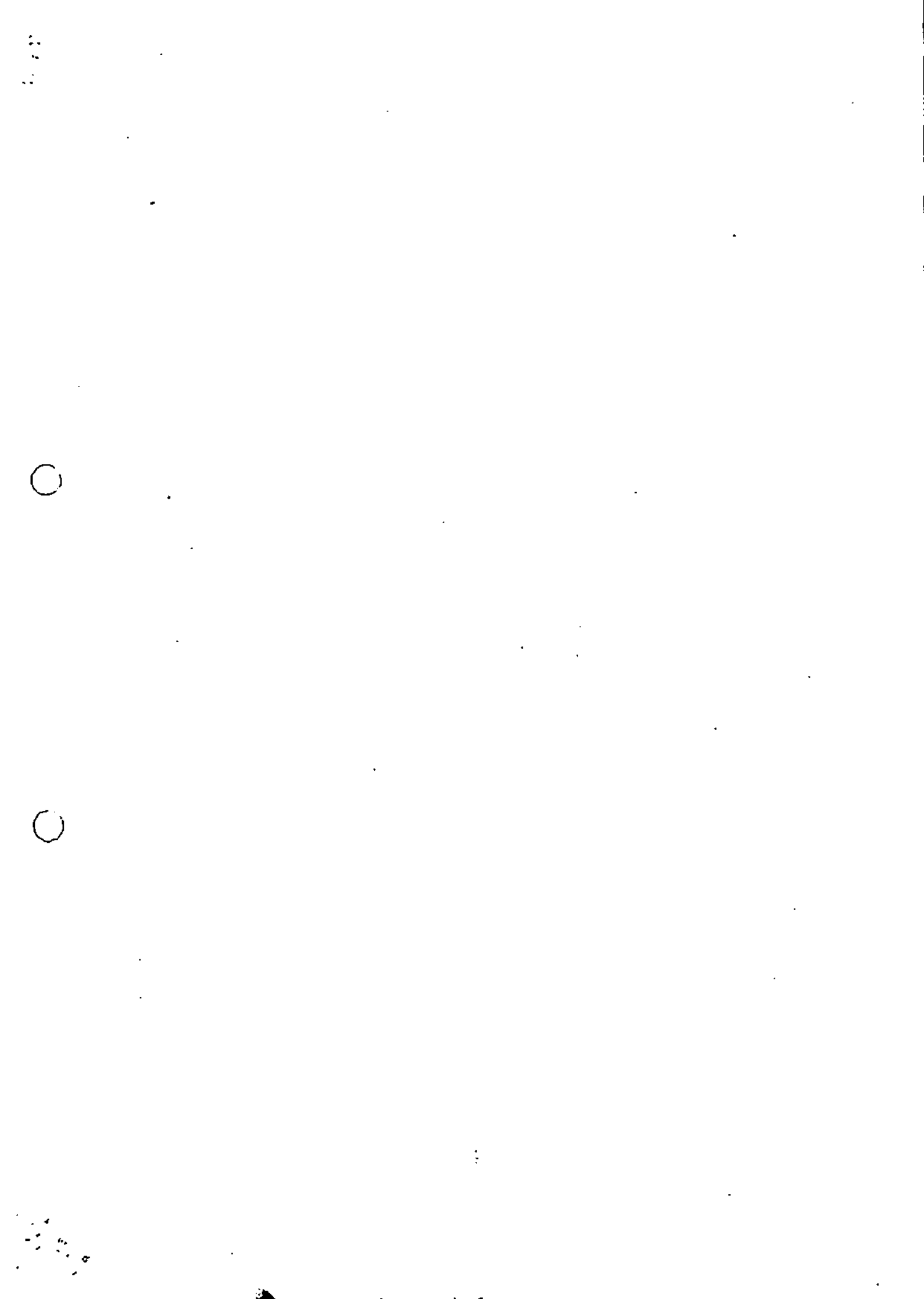
TT	Tên dự án	Nhóm	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	TMĐT tỷ đồng (Tr.USD)	Nguồn vốn giai đoạn từ 2011-2015 (tỷ đồng)					Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)						
								Tổng số	NS	TDNN	Chủ sở hữu	Vay thương mại	Khác	2011	2012	2013	2014	2015	
1	Dự án đầu tư đồng bộ nâng công suất sản xuất xút từ 20.000T/n lên 30.000 T/n (2 giai đoạn)	B	Cty CP Hóa chất Việt Trì	Việt Trì- Phú Thọ	2014-2015	30.000 tấn/năm	255	255				76,5	178,5	0			35	150	70
2	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất axit 300.000 t/năm, kết hợp phát điện	B	Cty Supc PP và HC Lâm Thao	Lâm Thao	2014-2017	300.000 T/năm	1.479	60				60		0				20	40
3	Dự án XD Nhà máy sản xuất axit phốt phoric *	A	Cty Apatit Việt Nam	Lào Cai	2015-2017	250.000 T/năm	6.000	45				45		0				15	30
4	Dự án XD Nhà máy phốt pho vàng P4	B	Cty Apatit Việt Nam	Lào Cai	2014-2016	20.000 T/năm	550	550						550				200	350
5	Dự án đầu tư đồng bộ nâng công suất sản xuất xút từ 30.000 tấn/năm lên 50.000 tấn/năm (giai đoạn I 40.000 T/năm)	B	Cty TNHH MTV HCCB Miền Nam	KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	2014/2015	40.000 tấn/năm	127	127				38,1	88,9	0				30	97
II.5	Thuốc sát trùng							55	0	0	55	0	0	2	6	12	5	30	
1	Đầu tư công nghệ, thiết bị tiên tiến tổ chức sản xuất các sản phẩm thuốc BVTV có dạng giả công mới	B	Cty CP thuốc sát trùng VN		2011-2015	17.000 t/năm	55	55				55			2	6	12	5	30
II.6	Chất tẩy rửa							564	0	0	363	137	64		120	131	34	279	

TT	Tên dự án	Nhóm	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	TMĐT tỷ đồng (Tr.USD)	Nguồn vốn giai đoạn từ 2011-2015 (tỷ đồng)						Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)				
								Tổng số	NS	TDNN	Chủ sở hữu	Vay thương mại	Khác	2011	2012	2013	2014	2015
1	Xây dựng Xưởng sản xuất chất tẩy rửa lòng 60.000 tấn/năm và tổng kho phân phối	B	Cty CP Bột giặt LIX	Khu CN Đại Đăng, Thủ Dầu 1, Bình Dương	2011-2012	60.000 tấn/năm	131	117				117						
2	Di chuyển và mở rộng sản xuất Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội đến khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, Hà Nội	B	Cty CP Xà phòng Hà Nội	Khu CN Thạch Thất-Quốc Oai- Hà Nội	2012-2013	Sản phẩm lòng: 60.000 tấn/năm; Xà phòng bánh: 15.000 Tấn/năm	134	134			134			3	131			
3	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Bột giặt LIX Bắc Ninh	B	Công ty CP Bột giặt LIX	Quê Võ- Bắc Ninh	2015	90.000 T/n	84	84			20		64				20	64
4	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Bột giặt mới tại KCN Lộc An- Đồng Nai	B	Cty CP Bột giặt NET	KCN Lộc An- Đồng Nai	2015-2016	135.000 T/n	429	229			91,6	137,4	0				14	215
II.7	Ác quy các loại							140	0	0	88	52	0	23	49	20	11	37
1	Dây chuyền hoàn tất CMF- Đồng Nai 2 (đã hoàn thành)	C	Công ty CP Pin Ác quy Miền Nam	Đồng Nai	2011-2012	450.000 bình/năm	26	22			13	9		22				
2	Dây chuyền lắp ráp bình ác quy VRLA gắn máy - Đồng nai 2 (đã hoàn thành)	C	Công ty CP Pin Ác quy Miền Nam	Đồng Nai	2012-2013	750.000 bình/năm	40	29			12	17		1	20	8		

TT	Tên dự án	Nhóm	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	TMĐT tỷ đồng (Tr.USD)	Nguồn vốn giải đoạn từ 2011-2015 (tỷ đồng)					Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)					
								Tổng số	NS	TDNN	Chủ sở hữu	Vay thương mại	Khác	2011	2012	2013	2014	2015
3	Đầu tư nâng cao chất lượng bình VRLA (đã hoàn thành)	C	Công ty CP PinẮc quy Miền Nam	Đồng Nai	2012		13	13				13						
4	Đầu tư 10 dây hóa thành (đã hoàn thành)	C	Công ty CP PinẮc quy Miền Nam	Đồng Nai	2012-2013	300.000 kwh/năm	17	17			17			15	2			
5	Đầu tư lò ủ thối	C	Công ty CP PinẮc quy Miền Nam	Đồng Nai	2013-2014	39,8 triệu thối/năm	13	13			5	8		1	10	2		
6	Hệ thống dây nạp bình CMF- Đồng nai 2	C	Công ty CP PinẮc quy Miền Nam	Đồng Nai	2014-2015	600.000 bình/năm	26	26			8	18				8	18	
7	Đầu tư 15 dây hóa thành	C	Công ty CP PinẮc quy Miền Nam	Đồng Nai	2014-2015	450.000 Kwh/năm	20	20			20					1	19	
II.8	Các dự án khác							752	0	0	432	320	0	28	33	11	245	435
1	Dự án đầu tư Xây dựng khu tái định cư tại Bắc Giang- Hà Bắc	B	Cty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Bắc Giang- Hà Bắc	2011/2015		87	83			83			28	33	8	8	6

TT	Tên dự án	Nhóm	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	TMĐT tỷ đồng (Tr.USD)	Nguồn vốn giai đoạn từ 2011-2015 (tỷ đồng)						Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)					
								Tổng số	NS	TDNN	Chủ sở hữu	Vay thương mại	Khác	2011	2012	2013	2014	2015	
2	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng bãi chứa gyps lâu dài đả qua xử lý	B	Cty CP DAP-Vinachem	Nhà máy DAP Đỉnh Vũ-Hải Phòng	2013/2014	2.000 tấn/năm	126	126				52	74					30	96
3	Dự án Đầu tư mở rộng tăng năng lực cảng nhà máy DAP Hải Phòng	B	Cty CP DAP-Vinachem	Nhà máy DAP Đỉnh Vũ-Hải Phòng	2014/2015	1.620.000 Tấn/năm	122	122				36,6	85,4					30	92
4	Dự án Hồ thải số 2 Nhà máy tuyển Tăng loàng	B	Cty Apatit Việt Nam	Tăng Loàng-Lào Cai	2014/2016	Dung tích 3,1 triệu m ³	76	66				66						50	16
5	Dự án Hồ thải số 2 Nhà máy tuyển Cam Đường	B	Cty Apatit Việt Nam	Tăng Loàng-Lào Cai	2014/2016	Dung tích 3,1 triệu m ³	60	50				50						20	30
6	Dự án XD trụ sở Công ty Apatit	B	Cty Apatit Việt Nam	TP Lào Cai-Tỉnh Lào Cai	2014/2016		80	75				75					3	57	15
7	Dự án xây dựng trụ sở công ty Cao su Miền nam	B	Cty CP CN cao su miền Nam	180 Nguyễn Thị Minh Khai- TP HCM	2014-2015		150	150				45	105					50	100
8	Dự án xây dựng nhà ăn và hội trường xí nghiệp Bình Dương	C	Cty CP CN cao su miền Nam	Bình Dương	2014		20	20				6	14						20
9	Dự án xây dựng tổng kho thành phẩm	B	Cty CP CN cao su miền Nam	Bình Dương	2015-2016	5.000 m ²	100	60				18	42						60
III	ĐA chuẩn bị đầu tư							25	0	0	25	0	0					4	21
III.1	Quặng							8			8		0					3	5

TT	Tên dự án	Nhóm	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	TMĐT tỷ đồng (Tr.USD)	Nguồn vốn giải đoạn từ 2011-2015 (tỷ đồng)					Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)						
								Tổng số	NS	TDNN	Chủ sở hữu	Vay thương mại	Khác	2011	2012	2013	2014	2015	
1	Dự án XD Nhà máy tuyển quặng apatit loại 2	B	Cty Apatit Việt Nam	Cam Đường-Lào Cai	2015-2020	400.000 t/năm (Giải đoạn 1)	1.000	8				8						3	5
III.2	Thuốc sát trùng							10	0	0	10	0	0						10
1	Dự án mở rộng và nâng cấp nhà máy sản xuất, chế phẩm vi sinh Validamycin 3DD, 5DD	B	Cty CP thuốc sát trùng VN		2015-2018	20.000 tấn/năm	180	5				5							5
2	Dự án tổng hợp các hoạt chất trừ nấm bệnh thuộc họ Triazole	B	Cty CP thuốc sát trùng VN		2015-2017	1.000 tấn KT/năm	800 (40 Tr USD)	5				5							5
III.3	Ắc quy các loại							7	0	0	7	0	0					1	6
1	Dây chuyền sản xuất ắc quy công nghiệp	C	Công ty CP Pin Ắc quy Miền Nam	Đồng Nai	2015-2017	750.000 Kwh/năm	40	5				5						1	4
2	Máy bột chi 24 tấn - Đồng nai 2	C	Công ty CP Pin Ắc quy Miền Nam	Đồng Nai	2015-2016	5.250 T/năm	27	2				2							2



**BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

Biểu số 4

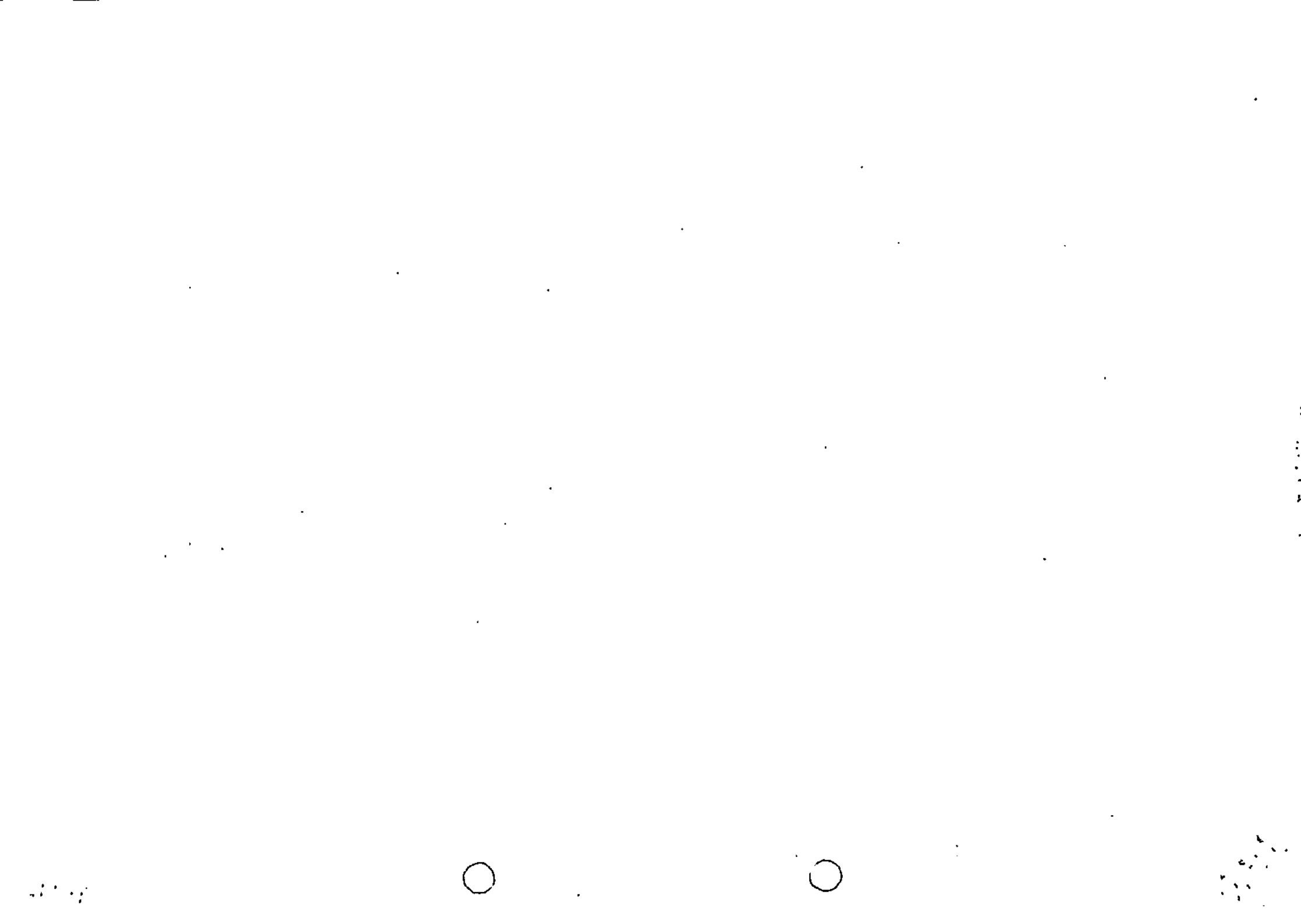
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2018	Kế hoạch 2019	Kế hoạch 2020	Tổng cộng 5 năm 2016-2020	Tốc độ tăng trưởng b/q 2016-2020
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8
I	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá CĐ 1994)	Tr. Đồng	19.058.820	22.870.399	24.658.841	26.241.156	28.177.323	30.573.513	132.521.232	109,9
II	Giá trị sản xuất CN theo giá Thực tế	Tr. Đồng	45.446.600	52.207.675	56.636.840	60.531.891	65.501.596	71.157.816	306.035.818	109,4
III	Giá trị sản xuất CN theo giá SS 2010	Tr. Đồng	41.269.800	48.725.484	52.885.750	57.368.090	61.647.923	65.724.678	286.351.925	109,8
IV	Doanh thu	Tr. Đồng	47.867.000	56.375.455	61.663.701	65.847.636	70.965.988	75.389.609	330.242.389	109,5
V	Sản phẩm Sản xuất chủ yếu									
1	Quặng Apatit các loại	tấn	3.025.000	3.200.000	3.400.000	3.600.000	3.700.000	3.800.000	17.700.000	104,7
2	Supê lân	tấn	996.000	995.000	985.000	970.000	945.400	950.000	4.845.400	99,1
3	Lân nung chảy	tấn	565.000	615.000	675.000	725.000	780.000	830.000	3.625.000	108,0
4	Phân Đạm Urê	tấn	672.000	894.360	887.100	881.400	905.400	910.400	4.478.660	106,3
5	Phân Diamino phosphate	tấn	420.000	590.400	660.000	660.000	660.000	710.000	3.280.400	111,1
6	Phân Hỗn hợp NPK	tấn	1.880.000	2.016.000	2.112.000	2.202.000	2.290.000	2.464.000	11.084.000	105,6
7	Thuốc sát trùng	tấn	17.300	18.000	19.300	20.200	22.000	23.700	103.200	106,5
8	Xút Thương phẩm (NaOH)	tấn	36.300	54.700	57.000	61.400	64.300	65.500	302.900	112,5
9	Axit HCL Thương phẩm	tấn	101.700	109.100	114.000	114.500	118.120	119.700	575.420	103,3
10	Amoniác (NH3)	tấn	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	132.000	460.000	110,0
11	Lốp xe đạp	1000 ch	11.500	11.900	12.000	12.000	12.300	12.500	60.700	101,7
12	Lốp xe máy	1000 ch	6.000	7.000	7.140	7.500	7.800	8.200	37.640	106,4
13	Lốp Ô tô các loại	Chiếc	2.078.000	2.446.000	2.652.000	2.939.000	3.360.000	3.708.000	15.105.000	112,3
14	Pin các loại	1000 viên	217.000	217.000	219.000	221.000	223.000	225.000	1.105.000	100,7
15	Ăc quy các loại	kw/h	1.200.000	1.366.000	1.431.000	1.510.000	1.593.000	1.680.000	7.580.000	107,0
16	Chất tẩy rửa	tấn	378.940	403.800	423.400	436.900	450.300	463.700	2.178.100	104,1
17	Muối Kali	tấn					100.000	200.000	300.000	
VI	Năng lực mới tăng thêm(Theo C/S Thiết kế)									
1	Phân Kali	tấn					320.000		320.000	
2	Lốp Radial	chiếc				300.000	300.000	700.000	1.300.000	
3	Lốp Bán Radial	chiếc				1.000.000		3.000.000	4.000.000	
3	Axit H2SO4	tấn					300.000		300.000	
4	Phân NPK	tấn			400.000			400.000	800.000	

HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016-2020
CỦA TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

Biểu số 5

Đơn vị tính: tỷ đồng

Nguồn vốn	Kế hoạch						Thực hiện 2016-2020	Tỷ lệ %	Tăng trưởng bình quân 16-
	2015	2016	2017	2018	2019	2020			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Vốn đầu tư phát triển NSNN	-	3	3	2	-	-	8		
Trong đó: - Vốn trong nước	-	3	3	2	-	-	8		
- Vốn nước ngoài							-		
2. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước	618	653	1.060	1.483	540	600	4.336		99,41%
Trong đó: - Vốn trong nước	618	653	1.060	1.483	540	600	4.336		99,41%
- Vốn nước ngoài							-		
3. Vốn đầu tư của các doanh nghiệp Nhà nước	4.889	8.066	9.421	10.068	8.788	9.893	46.236		115,14%
- Vốn chủ sở hữu	1.974	2.647	2.985	3.257	2.918	3.367	15.174		111,27%
- Vốn vay thương mại	2.915	5.419	6.436	6.811	5.870	6.526	31.062		117,49%
Cộng	5.507	8.722	10.484	11.553	9.328	10.493	50.580		



DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2016-2020
ĐƠN VỊ : TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	Tổng mức ĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020			Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)					
								Tổng số	NS	TD nhà nước	Khác	2016	2017	2018	2019	2020
	TỔNG SỐ						83.999	50.580	8	4.336	46.236	8.722	10.484	11.553	9.328	10.493
	CÔNG TY MẸ						58.627	34.268	-	4.336	29.932	4.850	6.662	8.232	6.615	7.909
1	Dự án nhóm A						57.185	33.046	-	3.706	29.340	4.600	6.140	7.782	6.615	7.909
1	Dự án chuyển tiếp						22.482	20.971	-	2.056	18.915	4.500	5.500	5.582	2.500	2.889
1.1	Dự án khai thác chế biến muối mỏ tại Lào (10km2)	A	Tập đoàn HCVN	Khăm Muội Lào	2013-2018	320.000 tấn/năm	10.882	9.582	-	2.056	7.526	2.500	3.500	3.582	-	-
1.2	Dự án nhà máy sản xuất Amoniac	A	Tập đoàn HCVN	Thái Bình hoặc Quảng Ninh	2015 - 2020	300.000 tấn/năm	11.600	11.389	-	-	11.389	2.000	2.000	2.000	2.500	2.889
2	Dự án hoàn thành						6.000	3.060	-	-	3.060	100	400	600	1.000	960
	Dự án Nhà máy sản xuất phân bón DAP tại Lào Cai (Tập đoàn góp 51%)	A	Cty Cổ phần	Lào Cai	2016 - 2020	330.000 tấn/năm	6.000	3.060	-	-	3.060	100	400	600	1.000	960
3	Dự án khởi công mới						28.703	9.015	-	1.650	7.365	-	240	1.600	3.115	4.060
3.1	Dự án sản xuất phân bón Sunphat Amon	A	Tập đoàn HCVN	Miền Bắc	2019-2022	600.000 tấn/năm	5.460	515	-	-	515	-	-	-	15	500
3.2	Dự án khai thác chế biến muối mỏ tại Lào (196km2) - Tập đoàn góp vốn 51%	A	Cty Cổ phần	Miền Bắc	2016 - 2022	500.000 tấn/năm	18.543	5.500	-	1.650	3.850	-	200	1.500	1.800	2.000
3.3	Dự án sản xuất Sô đa	A	Tập đoàn HCVN	Miền Trung	2017-2021	200.000 tấn/năm	2.500	1.600	-	-	1.600	-	20	50	700	830
3.4	Dự án đầu tư sản xuất xút công suất 100.000- 120.000 tấn/năm	A	Tập đoàn HCVN	Miền Trung	2017-2021	100.000-120.000 tấn/năm	2.200	1.400	-	-	1.400	-	20	50	600	730
II	Dự án nhóm B						1.442	1.222	-	630	592	250	522	450	-	-
1	Dự án chuyển tiếp						1.442	1.222	-	630	592	250	522	450	-	-

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	Tổng mức ĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)				
								Tổng số	NS	TD nhà nước	Khác	2016	2017	2018	2019	2020
1.1	Dự án sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh	B	Tập đoàn HCVN	Miền Nam	2015 - 2018	150 tấn/năm	1.000	900	-	630	270	50	400	450	-	-
1.2	Dự án xây dựng Trụ sở làm việc của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.	B	Tập đoàn HCVN	Tràng Tiền, Hà Nội	2009 - 2017		442	322	-	-	322	200	122	-	-	-
B	CÔNG TY CON						25.372	16.312	8	-	16.304	3.872	3.822	3.321	2.713	2.584
I	Dự án nhóm A						12.423	6.578	-	-	6.578	1.331	1.360	1.300	1.147	1.440
I	<i>Dự án chuyển tiếp</i>						4.396	2.051	-	-	2.051	901	310	250	250	340
1.1	Nhà máy sản xuất lốp xe tải. Radial công suất 600.000 lốp/năm (giai đoạn 2)	A	Cty CP Cao Su Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu	2015-2017	600.000 lốp/năm	888	711	-	-	711	651	60	-	-	-
1.2	Dự án nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial toàn thép công suất 1.000.000 lốp/năm	A	Cty Cao su Miền Nam	Tân uyên-Bình Dương	2012 - 2020	1 triệu lốp xe tải/năm	3.508	1.340	-	-	1.340	250	250	250	250	340
2	<i>Dự án hoàn thành</i>						1.650	1.647	-	-	1.647	400	550	500	197	-
2.1	Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất a xít sunfuaric 300.000 tấn kết hợp phát điện	A	Cty CP supe PP và HCLT	Lâm Thao, Phú Thọ	2015-2019	300.000 tấn/năm	1.650	1.647	-	-	1.647	400	550	500	197	-
3	<i>Dự án khởi công mới</i>						6.377	2.880	-	-	2.880	30	500	550	700	1.100
3.1	Dự án đầu tư sản xuất lốp xe con	A	Cty CP Cao Su Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu	2019-2022	4 triệu lốp/năm	2.997	600	-	-	600	-	-	-	100	500
3.2	Dự án di dời sản xuất tại 231 Nguyễn Trãi Thanh Xuân Hà Nội và đầu tư sản xuất lốp Radial 300.000 lốp/năm	A	Cty CP Cao su Sao vàng	Khu CN Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam	2016 - 2022	300.000 Bias; 300.000 radial; LXM; CSKT	3.380	2.280	-	-	2.280	30	500	550	600	600
II	Dự án nhóm B						11.341	8.155	-	-	8.155	2.116	2.077	1.719	1.305	939
I	<i>Dự án chuyển tiếp</i>						4.066	2.383	-	-	2.383	1.165	600	559	40	19
1.1	Đầu tư xây dựng nhà máy bột giặt mới tại KCN Lộc An-Đông Nai	B	Cty CP bột giặt NET	KCN Lộc An, Đông Nai	2015-2017	135.000 tấn/năm; CTR 100.000 t/n	403	281	-	-	281	200	81	-	-	-

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	Tổng mức ĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)				
								Tổng số	NS	TD nhà nước	Khác	2016	2017	2018	2019	2020
1,2	Đầu tư xây dựng nhà máy LIX-Bắc Ninh	B	Cty CP bột giặt LIX	Từ Sơn, Bắc Ninh	2015-2016	80.000 tấn BĞ và 15.000 tấn CTR	139	62	-	-	62	62	-	-	-	-
1,3	Đầu tư XDCT nhà máy sản xuất P4 (dự án được cổ phần, Công ty góp 70%)	B	Công ty CP PP Apatit VN	Tà Loóng, Lào Cai		20.000 tấn/năm	507	42	-	-	42	30	12	-	-	-
1,4	Đầu tư đồng bộ nâng công suất sản xuất xút từ 20.000T/n lên 30.000 T/n : GD 1 chuyển đổi công nghệ màng trao đổi ion; GD 2 nâng công suất từ 20.000 lên 30.000 tấn/năm	B	Cty CP Hóa chất Việt Trì	Thọ Sơn, Việt Trì	2014-2016	30.000 tấn/năm	335	80	-	-	80	80	-	-	-	-
1,5	DA nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điển (3 giai đoạn)	B	Cty CP phân lân Văn Điển	Khu CN Bim Sơn, Thanh Hóa	2014-2018	500.000 tấn lân + 200.000 tấn NPK	1.369	1.219	-	-	1.219	300	400	519	-	-
1,6	Đầu tư mở rộng tăng năng lực Càng nhà máy DAP	B	DAP Vianchem	KCN Đình Vũ-Hải Phòng	2015-2016	1620000 tấn/năm	122	118	-	-	118	118	-	-	-	-
1,7	Đầu tư xây dựng hạ tầng bãi chứa gyps (2 giai đoạn); Thực hiện giai đoạn 2	B	DAP Vianchem	KCN Đình Vũ-Hải Phòng	2014-2016	2000 tấn/ngày	95	45	-	-	45	45	-	-	-	-
1,8	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải XN Supe lân nung chảy	B	Cty CP supe PP và HCLT	Lâm Thao, Phú Thọ	2015-2016	80 m3/h	110	30	-	-	30	30	-	-	-	-
1,9	Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền NPK hàm lượng cao CS 200.000 tấn sản phẩm	B	Cty CP supe PP và HCLT	Lâm Thao, Phú Thọ	2015-2016	200.000 tấn/năm	400	200	-	-	200	200	-	-	-	-
1,10	Nhà máy sản xuất phân bón NPK 400.000 tấn/năm tại Vĩnh Cửu, Đồng Nai	B	Cty CP Phân bón Bình Điền	Vĩnh Cửu, Đồng Nai	2015-2020	400.000 tấn/năm	200	199	-	-	199	50	50	40	40	19

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	Tổng mức ĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)					
								Tổng số	NS	TD nhà nước	Khác	2016	2017	2018	2019	2020	
1,11	Nhà máy sản xuất phân bón NPK 400.000 tấn/năm tại Ninh Bình	B	Bình Điện Ninh Bình	Khánh Phú, Ninh Bình	2014-2017	400.000 tấn/năm	387	107	-	-	107	50	57	-	-	-	
2	<i>Dự án hoàn thành</i>							5.025	4.722	-	-	4.722	891	1.337	960	965	570
2.1	Di dời XI nghiệp hơi kỹ nghệ tại Nhà Trang	B	Cty Hơi kỹ nghệ que hàn	KCN tại Nhà Trang	2016-2017	1.500 m3/h	164	164	-	-	164	14	150	-	-	-	
2.2	Dự án mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial năng công suất 600.000 lốp/năm lên 1.000.000/năm	B	Cty CP Cao Su Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu	2018 - 2019	Năng công suất lốp Radial lên 1 triệu lốp/năm	347	347	-	-	347	-	-	52	277	18	
2.3	Di dời xưởng sản xuất lốp bán thép ĐN II về Bình Dương, năng cs 4.000.000 lốp/năm	B	Cty CP Cao su MN	Tân uyên, Bình Dương	2016 - 2020	4 triệu lốp bán thép	1.000	1.000	-	-	1.000	150	150	110	300	290	
2.4	Dự án mua đất phát triển công ty tại Tân uyên- Bình Dương	B	Cty CP Cao su MN	Bình Dương	2016	12ha	160	160	-	-	160	160	-	-	-	-	
2.5	Xây dựng tổng kho thành phẩm	B	Cty CP Cao su MN	Bình Dương	2016 - 2017	5000m2	100	100	-	-	100	60	40	-	-	-	
2.6	Dự án xây dựng xưởng cao su kỹ thuật tại Bình Dương	B	Cty CP Cao su MN	Bình Dương	2016 - 2020	250 tấn/năm	300	300	-	-	300	50	100	50	50	50	
2.7	ĐT XD công trình cải tạo khai thác quặng apatit khai trường Mỏ Cốc 2	B	Công ty Apatit VN	Tà Phời, Lào cai	2016-2018	330.000 tấn/năm	254	248	-	-	248	50	100	98	-	-	
2.8	Dự án thăm dò quặng apatit KT 26-29	B	Công ty Apatit VN	Bát Sát, Lào Cai	2016 - 2017		100	99	-	-	99	40	59	-	-	-	
2.9	Dự án mở rộng nhà máy Tuyển Bắc Nhạc Sơn (Cổ phần 51%)	B	Công ty Apatit VN	Lào Cai	2016-2018	700.000 tấn/năm	500	255	-	-	255	55	100	100	-	-	

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	Tổng mức ĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)				
								Tổng số	NS	TD nhĩ nước	Khác	2016	2017	2018	2019	2020
2.10	Dự án hoàn thiện đường sắt công nghệ Mô	B	Công ty Apatit VN	Lào Cai	2016-2017		100	100	-	-	100	40	60	-	-	
2.11	Dự án di dời và xây dựng Xi nghiệp pin Con Ô	B	Cty CP Pin Ác quy MN	Long An	2016 - 2020	25000m2	160	160	-	-	160	2	38	48	65	7
2.12	Dự án đầu tư nghiên cứu và sản xuất bình ắc quy thế ống	B	Cty CP Pin Ác quy MN	XN Ác quy ĐN 2	2016 - 2020	100.000 bình/năm	100	100	-	-	100	5	30	30	30	5
2.13	Sản xuất sản phẩm mới từ Clo; xút	B	Cty CP Hóa chất Việt Trì	Thọ Sơn, Việt Trì	2017-2018	10.000 tấn/năm	250	250	-	-	250	-	150	100	-	-
2.14	Đầu tư nhà máy sản xuất axit sunfuric công suất 60.000 - 100.000 tấn/năm	B	Cty Hóa chất cơ bản MN	Đồng Nai hoặc BR-VT, các tỉnh lân cận	2017 - 2020	60 - 100 nghìn tấn/năm	450	400	-	-	400	-	50	100	150	100
2.15	Đầu tư xây dựng dây chuyền chế biến ghee	B	DAP số 2	Lào cai	2016-2018	500.000 tấn/năm	200	200	-	-	200	5	100	95	-	-
2.16	Xây dựng nhà chung cư cho cán bộ công nhân viên	B	DAP số 2	Lào cai	2016		55	55	-	-	55	55	-	-	-	-
2.17	Nâng cao chất lượng sản phẩm DAP và sản xuất phân bón từ sản phẩm phụ	B	DAP Vinachem	KCN Đình Vũ-Hải Phòng	2016-2018	330.000 tấn/năm	300	300	-	-	300	100	100	100	-	-
2.18	Hợp tác chế biến Thạch cao thành phụ gia xi măng	B	DAP Vinachem	KCN Đình Vũ-Hải Phòng	2016-2017	700.000 tấn/năm	100	100	-	-	100	50	50	-	-	-
2.19	Dự án đầu tư xây dựng Hội trường Nhà Văn hoá	B	Cty Đạm và HC Hà Bắc	Tỉnh Bắc Giang	2018-2020		45	45	-	-	45	-	-	10	20	15
2.20	Đầu tư công nghệ thay đổi quy cách chất lượng sản phẩm NPK tại Long An	B	Cty CP Phân bón Bình Điền	KCN Long Định, Long An	2016 - 2020	600.000 tấn/năm	340	340	-	-	340	55	60	67	73	85
3	Dự án khởi công mới						2.250	1.050	-	-	1.050	60	140	200	300	350

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	Tổng mức ĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)				
								Tổng số	NS	TD nhà nước	Khác	2016	2017	2018	2019	2020
3.1	Dự án nhà máy tuyến quặng 2	B	Công ty Apatit VN	Cam Đường, Lào Cai	2019-2023	400.000 tấn/năm	800	150	-	-	150	-	-	-	50	100
3.2	Đầu tư đồng bộ năng công suất sản xuất xút lên 70-80 nghìn tấn/năm	B	Cty Hóa chất cơ bản MN	Đồng Nai hoặc BR-VT, các tỉnh lân cận	2017-2022	70-80 nghìn tấn/năm	1.450	900	-	-	900	60	140	200	250	250
III	Dự án nhóm C						1.608	1.579	8	-	1.571	426	385	303	261	205
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>						80	60	-	-	60	50	4	3	3	-
1.1	Dự án mở rộng công suất lắp ráp bình ắc quy VRLA xe máy	C	Cty CP Pin Ắc quy MN	XN Ắc quy ĐN 2	2015-2016	750000 bình/năm	40	28	-	-	28	28	-	-	-	-
1.2	Dự án đầu tư công nghệ và thiết bị sản xuất ắc quy công nghiệp cỡ nhỏ	C	Cty CP Pin Ắc quy MN	XN Ắc quy ĐN	2015-2019	400000 bình/năm	40	32	-	-	32	22	4	3	3	-
2	<i>Dự án hoàn thành</i>						1.528	1.519	8	-	1.511	376	381	300	258	205
2.1	Hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử một số vật liệu nano ứng dụng cho công nghiệp	C	Viện Hóa học CNVN	Hà Nội	2017-2018		10	10	3	-	7	-	4	6	-	-
2.2	SX nguyên liệu tá được cellulose vi tinh thể MCC phục vụ sản xuất thuốc trong nước	C	Viện Hóa học CNVN	Hà Nội	2016-2017		15	15	5	-	10	5	10	-	-	-
2.3	Dây chuyền sản xuất chất tẩy rửa lồng 20.000 tấn/năm	C	Cty CP bột giặt LIX	LIX Bình Dương	2017	20.000 tấn/năm	20	20	-	-	20	-	20	-	-	-
2.4	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống kho chứa hàng	C	Cty CP bột giặt LIX	LIX Bình Dương	2018	4.000m2	20	20	-	-	20	-	-	20	-	-
2.5	Dự án sản xuất 500.000 săm butyl tại XI nghiệp Hóc môn	C	Cty CP Cao su MN	XI nghiệp Hóc Môn	2016	500.000 săm butyl	30	30	-	-	30	30	-	-	-	-
2.6	Cải tạo mở rộng phân xưởng chất tẩy rửa	C	Cty CP Hóa chất vi sinh	Quận 9 TP HCM	2018-2020	12.000 tấn/năm	14	14	-	-	14	-	-	4	-	10

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	Tổng mức ĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)				
								Tổng số	NS	TD nhà nước	Khác	2016	2017	2018	2019	2020
2.7	Các dự án mua sắm thiết bị lẻ	C	Công ty. Apatit VN	Lào Cai	2016-2020		750	750	-	-	750	150	150	150	150	150
2.8	Các dự án mở các khai trường 18, 19, 23	C	Công ty Apatit VN	Lào Cai	2016		83	79	-	-	79	79	-	-	-	-
2.9	Dự án cải tạo khai trường 7	C	Công ty Apatit VN	Lào Cai	2017		15	14	-	-	14	-	14	-	-	-
2.10	Dự án Hồ thái số 2 nhà máy Tuyên Cam Đường	C	Công ty Apatit VN	Lào Cai	2016-2017		54	51	-	-	51	20	31	-	-	-
2.11	Dự án điều tra cơ bản quặng 2 khu trung tâm	C	Công ty Apatit VN	Lào Cai	2016-2018		60	60	-	-	60	10	30	20	-	-
2.12	Dự án di dời sửa chữa chi nhánh cơ điện	C	Công ty Apatit VN	Lào Cai	2016-2017		30	29	-	-	29	10	19	-	-	-
2.13	Đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm hóa sinh, đường nội bộ, xưởng sản xuất sản phẩm, xử lý thải và mùi, kho chứa...	C	Cty CP thuốc sát trùng VN		2016 - 2020		22	22	-	-	22	8	6	4	3	2
2.14	Đầu tư xây dựng mở rộng, xây mới hệ thống kho chứa và nâng công suất dây chuyền sản xuất thủy tinh lỏng	C	Cty VTXNK Hóa chất	516, 518 Hà Huy Tập	2016 - 2018	2500m2 nhà xưởng; 16000-20000 tấn/năm	20	20	-	-	20	3	10	7	-	-
2.15	Dự án đầu tư công nghệ và thiết bị sản xuất ốc quy công nghiệp cỡ trung và lớn	C	Cty CP Pin Ốc quy MN	XN Ốc quy ĐN	2016 - 2020	125000 bình/năm	73	73	-	-	73	15	48	3	3	4
2.16	Dự án mở rộng công suất nạp điện bình ốc quy CMF	C	Cty CP Pin Ốc quy MN	XN Ốc quy ĐN 2	2018 - 2019	300000 kvlt/năm	25	25	-	-	25	-	-	20	5	-
2.17	Dự án xây dựng phòng xưởng hoàn tất	C	Cty CP Pin Ốc quy MN	XN Ốc quy ĐN 2	2018 - 2020	7700m2	50	50	-	-	50	-	-	16	30	4

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Công suất thiết kế	Tổng mức ĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2016-2020				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)				
								Tổng số	NS	TD nhà nước	Khác	2016	2017	2018	2019	2020
2.18	Đầu tư hệ thống có đặc xuất từ 32% lên 50%	C	Cty CP Hóa chất Việt Trì	Thọ Sơn, Việt Trì	2018-2019	10.000 tấn/năm	40	40	-	-	40	-	-	20	20	-
2.19	Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất (máy xúc đào, máy xúc lật, quạt cao áp)	C	Cty CP Phân Lân NB	Hoa Lư, Ninh Bình	2017-2019		10	10	-	-	10	-	5	3	2	-
2.20	Đầu tư cầu cảng xuất nhập hàng hóa	C	Cty CP PB và HC Cần Thơ	Trà Nóc-Cần Thơ	2016-2020	5.000 tấn	23	23	-	-	23	-	8	5	5	5
2.21	Đầu tư mở rộng Zeolite nâng công suất từ 10.000 lên 20.000 tấn/năm	C	Cty CP PB và HC Cần Thơ	Trà Nóc-Cần Thơ	2016-2018	20.000 tấn/năm	18	18	-	-	18	6	7	5	-	-
2.22	Xây dựng dây chuyền thu hồi Florin để sản xuất sodium fluosilicat	C	DAP Vionchem	KCN Đình Vũ-Hải Phòng	2016-2018	9.000 tấn/năm	57	57	-	-	57	20	20	17	-	-
2.23	Đầu tư dây chuyền sản xuất axit sunfuric tại nhà máy Superphốt phát Long Thành	C	Cty CP Phân bón MN	Đồng Nai	2019-2020	40.000 tấn/năm	70	70	-	-	70	-	-	-	40	30
2.24	Đầu tư hệ thống vớt xỉ và thu gom xỉ kim loại	C	Cty Đạm Ninh Bình	Ninh Bình	2016		20	20	-	-	20	20	-	-	-	-